



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) – TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Đồng Chủ biên)
LÊ THỊ LAN ANH – ĐỖ HỒNG DƯƠNG – VŨ THỊ THANH HƯƠNG – TRỊNH CẨM LAN – VŨ THỊ LAN
NGUYỄN THỊ NGỌC MINH – CHU THỊ PHƯƠNG – TRẦN KIM PHƯỢNG – ĐẶNG THỊ HẢO TÂM

TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN

môn

TIẾNG VIỆT

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP **2**

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT

GV: giáo viên

HS: học sinh

SGK: sách giáo khoa

SHS: sách học sinh

SGV: sách giáo viên

SBT: sách bài tập

PPDH: phương pháp dạy học

VB: văn bản

NXBGDVN: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

QLGD: quản lý giáo dục



MỤC LỤC

Trang

PHẦN MỘT. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. GIỚI THIỆU SGK TIẾNG VIỆT 2.....	4
1.1. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN SGK TIẾNG VIỆT 2.....	4
1.2. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA SGK TIẾNG VIỆT 2	5
2. PHÂN TÍCH CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC	15
2.1. CẤU TRÚC SÁCH	15
2.2. CẤU TRÚC BÀI HỌC	16
3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC	19
3.1. NHỮNG YÊU CẦU CƠ BẢN VỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT	19
3.2. HƯỚNG DẪN, GỢI Ý PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC.....	20
4. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP.....	24
4.1. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG	24
4.2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP TRONG SGK TIẾNG VIỆT 2.....	25
5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM	27
5.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lí trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử.....	27
5.2. Hướng dẫn khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học	28
6. MỘT SỐ LƯU Ý LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2.....	32
PHẦN HAI. GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI.....	34
1. TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ NỘI DUNG CHUNG	34
2. TỔ CHỨC DẠY HỌC NHỮNG NỘI DUNG RIÊNG CỦA TỪNG DẠNG BÀI	36
PHẦN BA. CÁC NỘI DUNG KHÁC.....	42
1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SGK TIẾNG VIỆT 2	42
2. GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH BỔ TRỢ, SÁCH THAM KHẢO.....	42

1 GIỚI THIỆU SGK TIẾNG VIỆT LỚP 2**1.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa Tiếng Việt 2****1.1.1. Đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh**

Sách giáo khoa *Tiếng Việt 2* bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, được biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (Tiếng Việt ở cấp Tiểu học) năm 2018 với mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực của HS. Nội dung sách *Tiếng Việt 2* đáp ứng các yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học được quy định trong Chương trình Tiếng Việt lớp 2.

Các bài học được thiết kế theo cách tạo cơ hội cho HS tăng cường tham gia những hoạt động giao tiếp tự nhiên. Một số kiến thức sơ giản về tiếng Việt và văn học được tích hợp trong quá trình dạy học đọc, viết, nói và nghe. Các ngữ liệu được lựa chọn và sắp xếp phù hợp với khả năng tiếp nhận của HS, giúp các em sử dụng tiếng Việt thành thạo, để giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống, học tốt các môn học, tham gia tích cực vào các hoạt động giáo dục; bước đầu hình thành và phát triển năng lực văn học, đồng thời bồi dưỡng cho HS những phẩm chất tốt đẹp với các biểu hiện cụ thể như: tình yêu đối với gia đình, mái trường, thiên nhiên, đất nước; có ý thức đối với cội nguồn, có lòng nhân ái, có cảm xúc lành mạnh, có hứng thú học tập, yêu lao động...

1.1.2. Phát huy tính tích cực của học sinh

Để đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực của HS, *Tiếng Việt 2* chú ý phát huy tính tích cực của HS trong học tập thông qua các hoạt động phù hợp với đặc điểm nhận thức và cách học của HS tiểu học. Những hoạt động này rất đa dạng, có tính chất và vai trò khác nhau trong quá trình học tập của HS, từ khởi động (giúp HS huy động những hiểu biết, trải nghiệm của các em để tiếp nhận bài học mới); khám phá, hình thành kiến thức (giúp HS phát hiện, tìm hiểu kiến thức, giá trị mới trong bài học dựa trên những hiểu biết đã có) đến luyện tập, vận dụng (giúp HS thực hành để phát triển các kĩ năng và vận dụng để giải quyết các vấn đề trong học tập và đời sống của chính các em).

Các bài học trong sách *Tiếng Việt 2* tạo điều kiện thuận lợi để GV tổ chức các hoạt động dạy học giúp HS đóng vai trò chủ động hơn trong học tập; hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ HS một cách hiệu quả để các em từng bước hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực mà chương trình giáo dục mong đợi.

1.1.3. Chú trọng dạy học tích hợp và phân hoá

Các nội dung trong *Tiếng Việt 2* được chọn lọc theo hướng tinh giản ở mức hợp lí, chú trọng dạy học tích hợp và dạy học phân hoá. Định hướng dạy học tích hợp trong *Tiếng Việt 2* được thể hiện như sau:

- Tích hợp giữa các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe ở lớp 2 và kết nối với kĩ năng đọc, viết, nói và nghe mà HS đã đạt được ở lớp 1. Các nội dung học tập có sự gắn kết chặt chẽ với nhau trong từng bài học và giữa các bài học trong từng chủ điểm. Sự tích hợp trong *Tiếng Việt 2* không chỉ thể hiện trên bình diện nội dung bài học mà còn thể hiện cả trên bình diện phương pháp và kĩ thuật dạy học. Nhiều hoạt động trong sách vừa có mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học, vừa có mục tiêu phát triển một số năng lực chung như: năng lực tự chủ và tự học, năng lực hợp tác, năng lực sáng tạo và giải quyết vấn đề. Chẳng hạn, ở hoạt động đọc hiểu, HS có thể đóng vai để kể lại suy nghĩ, việc làm của nhân vật, để nói lại lời đối thoại của các nhân vật, để nêu nhận xét về nhân vật, sự việc. Trong nhiều bài học, HS còn được giao nhiệm vụ giải quyết một tình huống có thực (đơn giản) trong đời sống để các em tập vận dụng các kiến thức, kĩ năng mới được học vào giải quyết các vấn đề đặt ra với các em hằng ngày.
- Tích hợp nội dung các môn học và hoạt động giáo dục khác trong cùng một khối lớp với kiến thức, kĩ năng Tiếng Việt. Nhiều bài học trong *Tiếng Việt 2* đã tích hợp nội dung của một số môn học như Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Âm nhạc, Mĩ thuật. Các em có cơ hội vận dụng hiểu biết về môi trường tự nhiên, hành vi ứng xử theo chuẩn mực với người thân, thầy cô, bạn bè và những người xung quanh; khả năng cảm nhận màu sắc, hình khối, đường nét của tranh ảnh,... để đọc hiểu và thực hành viết, nói và nghe trong khi học *Tiếng Việt*.

Để giúp HS phát triển năng lực một cách phù hợp, yêu cầu dạy học phân hoá cũng được chú trọng trong *Tiếng Việt 2*. Nhiều nội dung thực hành, nhiều nhiệm vụ học tập tạo cơ hội cho HS có thể thực hiện bằng nhiều cách, hoàn thành ở nhiều mức độ, yêu cầu khác nhau tùy theo năng lực, sở trường của mỗi HS.

1.2. Những điểm mới của sách giáo khoa Tiếng Việt 2

1.2.1. Sách được biên soạn theo mô hình SGK dạy tiếng hiện đại, chú trọng phát triển các kĩ năng ngôn ngữ của người học. Tương tự *Tiếng Việt 1*, nội dung các bài học trong *Tiếng Việt 2* không chia thành các “phân môn” như Tập đọc, Kể chuyện, Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn,... mà được tổ chức theo các mạch tương ứng với các hoạt động giao tiếp (đọc, viết, nói và nghe). Cách tiếp cận này giúp cho hoạt động dạy học ngôn ngữ gắn với giao tiếp thực tế, vì vậy tạo được hứng thú ở người học và nâng cao hiệu quả dạy học.

1.2.2. Hệ thống chủ điểm đa dạng, phong phú, bao quát được nhiều lĩnh vực trong đời sống của HS, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, khám phá thế giới của các em, giúp các em mở rộng hiểu biết về nhiều mặt phù hợp với lứa tuổi của mình. Tên các chủ điểm gợi mở và hấp dẫn. Qua cách đặt tên chủ điểm, các tác giả muốn dõi theo từng trải nghiệm, từng niềm vui và mỗi bước trưởng thành của các em HS, những người đồng hành cùng bộ sách này. Nội dung các chủ điểm vừa gắn với đời sống thực tiễn, với những giá trị văn hoá Việt Nam, vừa đáp ứng yêu cầu giáo dục, đào tạo nên những con người có được các phẩm chất và năng lực để sống tốt và làm việc hiệu quả trong thế kỉ XXI.

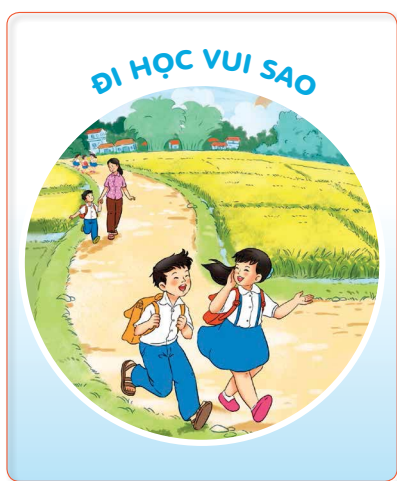
a. Sách *Tiếng Việt 2, tập một* có 4 chủ điểm. Mỗi chủ điểm học trong 4 tuần:

– Chủ điểm thứ nhất: *Em lớn lên từng ngày*



Các bài đọc, các nội dung viết, nói và nghe ở chủ điểm này giúp các em nhận ra sự thay đổi của bản thân so với năm học lớp 1 đầy ngỡ ngàng. Các em sẽ cảm thấy tự tin hơn khi nhận ra mình đang lớn khôn lên và có thể động viên chỉ bảo cho các em nhỏ hơn.

– Chủ điểm thứ hai: *Đi học vui sao*



Nội dung các bài học ở chủ điểm này là sự chia sẻ, đồng cảm với những suy nghĩ, cảm xúc, mong muốn của HS khi đến trường. Các em sẽ thấy mỗi bài học trở nên thú vị hơn vì như có bóng dáng mái trường, thầy cô, bạn bè và chính mình trong đó.

– Chủ điểm thứ ba: *Niềm vui tuổi thơ*



Đây là chủ điểm yêu thích đối với các em HS. Ở chủ điểm này, các em được đọc, viết, nói và nghe, về tình bạn, về những giờ phút vui chơi cùng bạn bè, về những trò chơi và đồ chơi mà các em yêu thích.

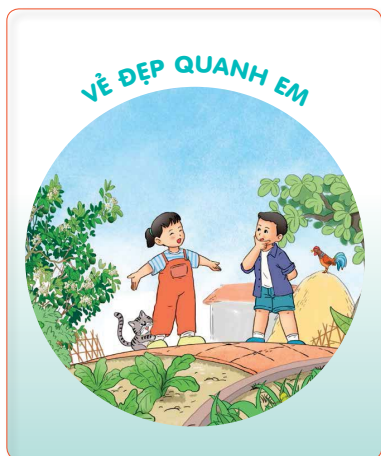
– Chủ điểm thứ tư: *Mái ấm gia đình*



Chủ điểm *Mái ấm gia đình* trong bộ sách này được sắp xếp theo hai mạch: Các thành viên trong gia đình yêu thương em và em cũng biết yêu thương, quan tâm đến mọi người trong gia đình. Những bài học trong chủ điểm này giúp các em biết chia sẻ với nhau suy nghĩ, cảm xúc về những người thân yêu trong gia đình.

b. Sách *Tiếng Việt 2, tập hai* có 5 chủ điểm, hướng các em mở rộng mối quan tâm và hiểu biết về cuộc sống xung quanh.

– Chủ điểm thứ nhất: *Về đẹp quanh em*, học trong 4 tuần đầu của học kì II.



Các bài học trong chủ điểm này giúp các em có những hiểu biết phong phú về vẻ đẹp kì thú của thế giới xung quanh. Các bài học không chỉ nói về vẻ đẹp của thiên nhiên ẩn bên trong vẻ đẹp của cỏ cây, chim chóc, muôn thú,... mà còn có vẻ đẹp của con người trong lao động, trong mối quan hệ với cộng đồng.

- Chủ điểm thứ hai: *Hành tinh xanh của em*, học trong 4 tuần tiếp theo của học kì II.



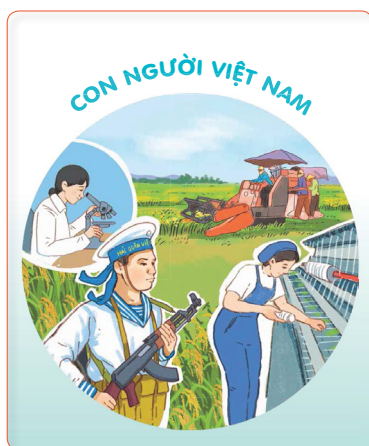
Nội dung các bài học giúp các em hình dung được thế nào là một hành tinh xanh và chúng ta cần phải làm gì để giữ gìn, bảo vệ hành tinh xanh đó. Tên chủ điểm cũng như mỗi bài học trong chủ điểm giúp các em tự nhận thức được những việc cần làm và có thể làm để chung tay bảo vệ môi trường sống của chính các em.

- Chủ điểm thứ ba: *Giao tiếp và kết nối*, được học trong 2 tuần.



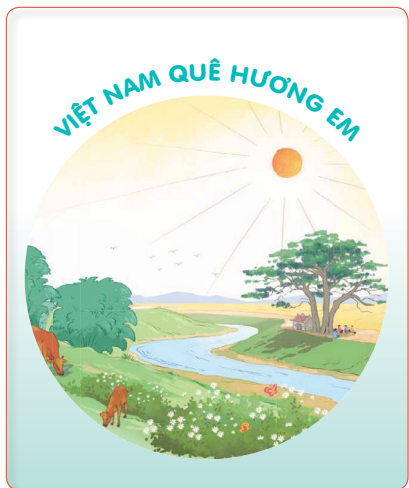
Các bài học ở chủ điểm này mang đến cho các em những thông tin bổ ích về cách thức con người có thể giao tiếp và kết nối với nhau nhằm mở mang hiểu biết, duy trì, phát triển các mối quan hệ và sống thân thiện với nhau hơn.

- Chủ điểm thứ tư: *Con người Việt Nam*, được học trong 2 tuần.



Các bài học ở chủ điểm này cung cấp cho các em những hiểu biết ban đầu về con người Việt Nam, những con người chăm chỉ, cần cù, giàu tình yêu thương và lòng dũng cảm.

– Chủ điểm thứ năm: *Việt Nam quê hương em*, học trong 3 tuần.



Các bài học ở chủ điểm này giúp cho các em có những hiểu biết ban đầu về Việt Nam với một số đặc điểm tiêu biểu, khơi dậy ở các em niềm tự hào về quê hương, đất nước Việt Nam.

Như vậy, 9 chủ điểm của Tiếng Việt 2 (tập một và tập hai) có sự sắp xếp hợp lý. Các chủ điểm ở tập một giới hạn trong phạm vi rất gần gũi với HS. Các chủ điểm ở tập hai giúp các em có thêm hiểu biết, trải nghiệm về cuộc sống rộng mở xung quanh.

1.2.3. Ngữ liệu trong *Tiếng Việt 2* được chọn lựa kỹ lưỡng, phù hợp với hiểu biết và trải nghiệm của người học; giúp HS có cơ hội kết nối với trải nghiệm cá nhân. Nhờ đó, ngoài việc giúp HS phát triển hiệu quả các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe, ngữ liệu trong *Tiếng Việt 2* còn góp phần tích cực vào việc bồi dưỡng cho HS tình yêu quê hương, đất nước; tình yêu gia đình, bạn bè; tình yêu thiên nhiên;... Các em cũng được phát triển kỹ năng quan sát, tư duy suy luận, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo.

1.2.4. Sách *Tiếng Việt 2* chú trọng định hướng thực hành, phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS thông qua thực hành. Ngoài hoạt động đọc, viết, nói và nghe, HS còn được thực hành (làm bài tập) để phát triển vốn từ và luyện kỹ năng đặt câu trong phần Luyện tập. *Tiếng Việt 2* không chủ trương dạy cho HS phân chia từ ngữ theo từ loại và phân biệt các kiểu câu theo đặc điểm cấu trúc mà chú trọng vào nghĩa, chức năng, cách dùng của các đơn vị ngôn ngữ.

Nội dung các bài học tạo cơ hội phát huy vốn hiểu biết và trải nghiệm của HS trong việc tiếp nhận bài học mới. Các kiến thức, kỹ năng của mỗi bài học được kết hợp một cách tự nhiên với hiểu biết, trải nghiệm của các em. Tất cả các bài học đều bắt đầu từ những điều HS quan tâm, những điều các em đã biết, muốn biết để từ đó hướng vào những điều các em cần biết. Với cách thiết kế bài học và tổ chức hoạt động dạy học như vậy, việc học tập tiếng Việt luôn trở nên nhẹ nhàng và thú vị hơn đối với HS. Chẳng hạn, ở tuần 10, HS học bài *Tớ nhớ cậu*. Trước khi đọc VB, các em được “khởi động” bằng hoạt động hỏi và đáp theo cặp hoặc theo nhóm với 2 câu hỏi sau:

– Khi cùng chơi với bạn, em cảm thấy thế nào?

– Khi xa bạn, em cảm thấy thế nào?

Cùng nhau hỏi và đáp hai câu hỏi này giúp HS có tâm thế sẵn sàng và dễ dàng tiếp nhận bài đọc *Tớ nhớ cậu*, một VB kể về tình cảm của đôi bạn sóc và kiến khi xa nhau. Sau khi tìm hiểu bài (trả lời các câu hỏi đọc hiểu), HS được luyện tập 2 nội dung sau:



1. Đóng vai sóc và kiến để nói và đáp lời chào lúc chia tay.

2. Em sẽ nói với bạn thế nào khi:

- Bạn chuyển đến một ngôi trường khác.
- Tan học, em về trước còn bạn ở lại chờ bố mẹ đón.



(*Tiếng Việt 2, tập một, trang 83*)

Theo cách thiết kế bài học nêu trên, HS sẽ thấy kiến thức, kỹ năng của bài học trở nên gần gũi với hiểu biết, trải nghiệm và vốn ngôn ngữ của các em. Sự kết nối kiến thức môn Tiếng Việt với đời sống là một điểm nhấn nổi bật của *Tiếng Việt 2*, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*.

1.2.5. Tiếng Việt 2 chú trọng đổi mới dạy viết cho HS và thiết kế các hoạt động viết theo một trình tự hợp lý. Ngoài luyện viết chính tả, HS được luyện viết đoạn (3 – 5 câu) với thời lượng một tiết/tuần. Phần viết đoạn được sắp xếp ngay sau luyện từ và câu, hai phần này kết nối chặt chẽ với nhau. Nói cách khác, luyện từ và câu có thể coi là bước chuẩn bị công cụ (từ vựng và ngữ pháp) cho việc viết. Ngoài ra, viết đoạn còn kết nối với chủ điểm của các bài đọc. Nhờ đó, VB đọc cũng góp phần làm giàu vốn sống, trải nghiệm cho bài viết của HS. Việc sử dụng các sơ đồ trong phần gợi ý cho nội dung viết đoạn cung cấp cho GV và HS những công cụ trực quan, sinh động để triển khai dạy học viết một cách hiệu quả. Ví dụ:



1. Nhìn tranh, kể các việc bạn nhỏ đã làm.

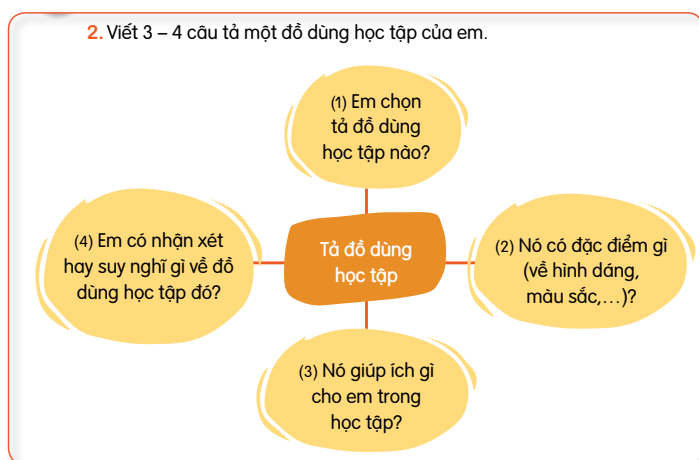


2. Viết 2 – 3 câu kể một việc em đã làm ở nhà.

G:

- Em đã làm được việc gì?
- Em làm việc đó thế nào?
- Nêu suy nghĩ của em khi làm xong việc đó.

(*Tiếng Việt 2, tập một, trang 23*)



(Tiếng Việt 2, tập một, trang 69)

1.2.6. Sách *Tiếng Việt 2* thiết kế các nội dung dạy học theo định hướng mở, tạo cơ hội cho GV vận dụng các phương pháp dạy học tích cực và tổ chức các hoạt động dạy học một cách linh hoạt theo điều kiện của nhà trường và khả năng học tập của những đối tượng HS khác nhau. Sách cũng đổi mới định hướng đánh giá kết quả học tập của HS, nhằm đến mục tiêu then chốt là đánh giá được sự tiến bộ của HS trong quá trình học tập để phát triển phẩm chất và năng lực, nhất là năng lực sử dụng tiếng Việt.

Nhiều bài tập, nhiều nhiệm vụ học tập được thiết kế theo hướng tạo cơ hội cho HS nói, viết theo những gì mình nghĩ, mình cảm nhận, nhờ đó phát huy tính sáng tạo của các em. Phát huy năng lực của HS chính là tạo thuận lợi cho đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. *Tiếng Việt 2* đã đưa ra nhiều cách thức để HS bộc lộ suy nghĩ của mình, chẳng hạn:

– Ở hoạt động luyện đọc của một số bài, sách đưa các câu hỏi như:

+ *Nêu cảm nghĩ của em về bê vàng và dê trắng.*

(bài *Gọi bạn* trong *Tiếng Việt 2, tập một*)

+ *Theo em, “thư viện biết đi” có tác dụng gì?*

(bài *Thư viện biết đi* trong *Tiếng Việt 2, tập hai*)

+ *Em học được điều gì từ câu chuyện này?*

(bài *Cảm ơn anh hà mã* trong *Tiếng Việt 2, tập hai*)

Các câu hỏi như trên tạo cơ hội cho HS tập luyện dần dần khả năng suy nghĩ độc lập và cách trình bày suy nghĩ, cảm xúc của mình trước tập thể. Suy nghĩ, cảm xúc của các em có thể chưa thật rõ nét và sâu sắc; diễn đạt có thể chưa mạch lạc và gãy gọn, song điều quan trọng là các em được tập luyện để hình thành thói quen tìm tòi, khám phá, sáng tạo.

– Ở hoạt động nói và nghe, trong một số tiết kể chuyện, HS được yêu cầu dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý để đoán nội dung tranh. Các em có thể đoán đúng hoặc chưa

đúng nội dung tranh, nhưng thông qua hoạt động này, HS phát triển kĩ năng suy đoán và kĩ năng đọc hiểu VB đa phương thức.

Sự tích cây vú sữa
(Theo Tiếng Việt 2, NXB Giáo dục, 2006)

1. Bị mẹ mắng, cậu bé làm gì?

2. Cậu bé làm gì khi quay về nhà?

3. Thấy cậu bé khóc, cây xanh đã biến đổi thế nào?

4. Nhìn lên tán lá, cậu bé nghĩ đến điều gì?

(Tiếng Việt 2, tập một, trang 118)

Bà cháu
(Theo Trần Hoài Dương)

1. Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

1. Cô tiên cho hai anh em cái gì?

2. Khi bà mất, hai anh em đã làm gì?

3. Vắng bà, hai anh em cảm thấy thế nào?

4. Câu chuyện kết thúc thế nào?

(Tiếng Việt 2, tập một, trang 125)

Chuyện bốn mùa

1. Nàng tiên mùa đông nói gì với nàng tiên mùa xuân?

2. Theo nàng Xuân, vườn cây vào mùa hạ như thế nào?

3. Nàng tiên mùa hạ nói gì với nàng tiên mùa thu?

4. Nàng tiên mùa thu thủ thỉ với nàng tiên mùa đông điều gì?

(Tiếng Việt 2, tập hai, trang 11)

Hồ nước và mây
(Theo Truyện kể thiếu nhi)

1. Tôi đẹp lên dưới ánh nắng, thế mà chị lại che mắt.

2. Chị mây ơi, không có chị tôi chết mất.

3. Vào một ngày cuối xuân, hồ nước và mây nói với nhau điều gì?

4. Dưới nắng hè gay gắt, hồ nước lên tiếng cầu cứu ai?

5. Vì sao chị mây bay về hồ nước và cho mưa xuống?

6. Qua mùa thu, sang mùa đông, chuyện gì xảy ra với chị mây?

(Tiếng Việt 2, tập hai, trang 18)

Ở hoạt động nói theo chủ điểm, HS được bày tỏ chủ kiến trước những vấn đề thiết thực trong đời sống hằng ngày của các em như: nói về những ngày hè của em, nói những điều em thích về trường của em và những điều em muốn trường thay đổi, nói về những việc có thể làm để giữ gìn môi trường sạch đẹp, nói về quê hương đất nước em, v.v...

Ngôi trường của em

1. Nói những điều em thích về trường của em.

G:

- Trường em tên là gì? Ở đâu?
- Điều gì khiến em cảm thấy yêu thích, muốn đến trường hằng ngày?

Tôi thích sân trường mình vì có nhiều cây.

Tôi thích bữa ăn trưa ở trường.

2. Em muốn trường mình có những thay đổi gì?

(Tiếng Việt 2, tập một, trang 50)

Bảo vệ môi trường

1. Nói tên các việc làm trong tranh. Cho biết những việc làm đó ảnh hưởng đến môi trường như thế nào.

1.

2.

3.

4.

2. Em đã làm gì để góp phần giữ gìn môi trường sạch đẹp?

(Tiếng Việt 2, tập hai, trang 63)

– Ở nhiều bài học, HS được học tập theo khả năng của từng cá nhân. Cùng thực hiện một bài tập, một yêu cầu, nhưng sản phẩm học tập của các em có thể rất khác nhau. Chẳng hạn, ở bài tập nhận biết từ ngữ chỉ sự vật, HS được quan sát tranh, tìm từ ngữ chỉ người, chỉ vật được vẽ trong tranh (theo mẫu):

NGÀY HÔM QUA ĐAU RỒI?

Em cầm tờ lịch cũ:

– Ngày hôm qua đau rồi?
Ra ngoài sân hái bắp
Xoa đầu em, bắp cười.

– Ngày hôm qua ở lại
Trên cánh hoa trong vườn
Nụ hồng lớn lên mãi
Đợi đến ngày toả hương.

– Ngày hôm qua ở lại
Trong hạt lúa mẹ trồng
Cánh đồng chờ gặt hái
Chín vàng màu ước mong.

– Ngày hôm qua ở lại
Trong vở hồng của con
Con học hành chăm chỉ
Là ngày qua vẫn còn.

(Bé Kiên Quốc)



1. Dựa vào tranh minh họa bài đọc, tìm từ ngữ chỉ người, chỉ vật.
M: – mẹ
– cánh đồng

2. Đặt 2 câu với từ ngữ tìm được ở bài tập 1.
M: Cánh đồng rộng mênh mông.

(Tiếng Việt 2, tập một, trang 13)

(Tiếng Việt 2, tập một, trang 14)

Với cách thiết kế như vậy, số lượng từ ngữ HS tìm được sẽ khác nhau. Kết quả bài làm của HS (sản phẩm học tập) sẽ giúp GV phân loại năng lực của HS, đánh giá được điểm mạnh, cũng như điểm yếu, hạn chế của từng em để có biện pháp hỗ trợ phù hợp.

Các bài tập trong sách giúp phát huy năng lực của HS đồng thời cũng tạo thuận lợi cho GV đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân; trao đổi theo cặp, theo nhóm; trình bày, phát biểu ý kiến trước lớp; hoặc tổ chức những cuộc thi giữa các nhóm để tạo hứng thú thi đua lành mạnh trong học tập. Hình thức hoạt động học tập đa dạng sẽ phát triển ở HS kĩ năng làm việc cá nhân, làm việc hợp tác với bạn trong nhóm, trong lớp và làm việc tương tác với thầy cô. Thông qua các hoạt động học tập đa dạng như vậy, HS sẽ có ý thức học hỏi lẫn nhau, biết tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau một cách khách quan dựa trên sản phẩm học tập cụ thể.

1.2.7. Theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018, *Tiếng Việt 2* chú ý dành thời gian cho hoạt động *đọc mở rộng*. Với *đọc mở rộng*, HS được khuyến khích tự tìm sách, báo để đọc và có cơ hội chia sẻ kết quả đọc với các bạn trong nhóm và lớp. Mục tiêu chính của hoạt động này không phải là tăng thêm số lượng VB đọc mà tạo cơ hội cho các em được rèn luyện kĩ năng tự đọc sách, đồng thời từng bước hình thành thói quen và hứng thú đọc sách hằng ngày. Đây không phải là nét đặc sắc riêng của *Tiếng Việt 2*, nhưng là một điểm nhấn cần được nhắc đến của bộ sách.

Sách *Tiếng Việt 2* thiết kế nhiều hình ảnh, sơ đồ minh họa, gợi ý cho phần *Đọc mở rộng* rất hấp dẫn đối với HS.

1. Cho biết phiếu đọc sách dưới đây của bạn Nam có những nội dung gì.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Ngày: 18/10/2020
 Tên sách: *Cái Tết của mèo con*
 Tên tác giả: Nguyễn Đình Thi
 Điều em thích nhất: Mèo con rất dũng cảm.

2. Ghi chép các thông tin về cuốn sách mà em đã đọc vào phiếu đọc sách theo mẫu (lấp vào vở).

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Ngày: (...)
 Tên sách: (...)
 Tên tác giả: (...)
 Điều em thích nhất: (...)

3. Nói về điều em thích nhất trong cuốn sách đã đọc.

Cuốn *Để Mèn* phiếu lưu kí rất hay. Tôi thích nhất là nhân vật Để Trôi.



(*Tiếng Việt 2, tập một, trang 70*)

1.2.8. *Tiếng Việt 2* hết sức chú trọng đến kênh hình. Đây là công cụ đóng vai trò quan trọng trong dạy học các môn học ở các lớp đầu cấp Tiểu học. Sách thiết kế nhiều hình ảnh đạt tính thẩm mỹ, đem lại hứng thú cho cả thầy và trò trong quá trình dạy học. Dưới đây là một số ví dụ:

NÓI VÀ NGHE

Niềm vui của em

1. Quan sát tranh và nói về niềm vui của các nhân vật trong mỗi tranh.

Niềm vui của tôi là được đi dạo trong cánh rừng mùa xuân.

Niềm vui của tôi là được cây rừng tặng cho nhiều quả chín.

Niềm vui của chúng tôi là được cùng học, cùng chơi với nhau.

2. Niềm vui của em là gì? Điều gì làm em không vui? Hãy chia sẻ cùng các bạn.

Nói chuyện với người thân về niềm vui của từng thành viên trong gia đình em.

90

(*Tiếng Việt 2, tập một, trang 88*)

Tiết 3 - 4

3. Đọc bài thơ dưới đây, trả lời câu hỏi và thực hiện theo yêu cầu.

Thăm bạn ốm

Hôm nay đến lớp
 Thấy vắng chỗ ngồi
 Các bạn hỏi nhau:
 "Thỏ đi đâu thế?"
 Gấu liền nói khẽ:
 "Thỏ bị ốm rồi"
 Này các bạn ơi
 Đến thăm thỏ nhé!"

"Gấu tôi mua kẹo
 Khé ngọt lại thanh."
 "Mèo tôi mua chanh
 Đánh đường mát ngọt."
 Hươu mua sữa bột
 Nại sữa đậu nành
 Chúc bạn khỏe nhanh
 Cùng nhau đến lớp.
 (Theo Trần Thị Hương)

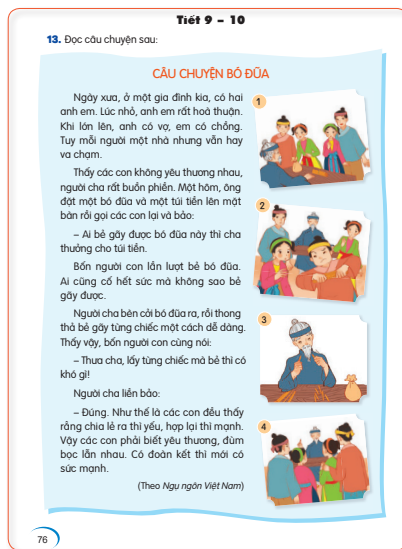


a. Vì sao thỏ nghỉ học?
 b. Các bạn bàn nhau chuyện gì?
 c. Đóng vai một trong số các bạn đến thăm thỏ nài, nói 2 - 3 câu thể hiện sự quan tâm, mong muốn của mình và các bạn đối với thỏ nài.
 d. Tưởng tượng em là bạn cùng lớp với thỏ nài. Vì có việc bận, em không đến thăm thỏ nài được. Hãy viết lời an ủi, động viên thỏ nài và nhờ các bạn chuyển giúp.

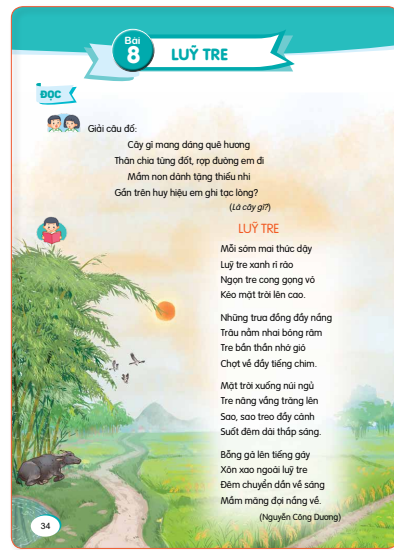
134

(*Tiếng Việt 2, tập hai, trang 134*)

Ngoài sơ đồ (chủ yếu ở phần viết đoạn và đọc mở rộng) và các tranh ảnh thì các thẻ chữ, mẫu lời nói, mẫu văn bản... cũng được thiết kế công phu, đẹp mắt. Hầu hết các trang sách đều có sự kết hợp hài hoà giữa kênh chữ và kênh hình.



(Tiếng Việt 2, tập một, trang 76)



(Tiếng Việt 2, tập hai, trang 34)

2 PHÂN TÍCH CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

2.1. Cấu trúc sách

2.1.1. *Tiếng Việt 2* được thiết kế thành 2 tập, tập một dành cho học kì I (18 tuần, trung bình mỗi tuần 10 tiết), tập hai dành cho học kì II (17 tuần, trung bình mỗi tuần 10 tiết).

Tập một có 32 bài học, được sắp xếp theo 4 chủ điểm và học trong 16 tuần, mỗi tuần 2 bài. Ngoài ra, có một tuần Ôn tập giữa học kì và một tuần Ôn tập, đánh giá cuối học kì. Ở đầu sách có *Lời nói đầu*; cuối sách có bảng thuật ngữ (*Một số thuật ngữ dùng trong sách*) và *Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài*.

Tập hai có 30 bài học, được sắp xếp theo 5 chủ điểm và học trong 15 tuần, mỗi tuần 2 bài. Ngoài ra, có một tuần Ôn giữa học kì và một tuần Ôn tập, đánh giá cuối học kì. Cuối sách có bảng thuật ngữ (*Một số thuật ngữ dùng trong sách*) và *Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài*.

2.1.2. Ngoài việc sắp xếp các bài học theo chủ điểm, *Tiếng Việt 2* cũng chú ý đến sự cân bằng về thể loại hay loại văn bản (VB) đọc trong mỗi chủ điểm và trong cả bộ sách. Tập một có 32 VB (không tính VB dùng trong các tuần ôn tập và đánh giá cuối học kì),

trong đó có 5 VB thông tin, 13 VB thơ, 14 VB truyện và các thể loại văn học khác. Tập hai có 30 VB (không tính VB dùng trong các tuần ôn tập và đánh giá cuối học kì), trong đó có 8 VB thông tin, 8 VB thơ, 14 VB truyện và các thể loại văn học khác. Tính chung cả hai tập có 62 VB (không tính VB dùng trong các tuần ôn tập và đánh giá cuối học kì), trong đó có 13 VB thông tin, 21 VB thơ, 28 VB truyện và các thể loại văn học khác. Các VB thuộc các thể loại, loại VB khác nhau thường được phân bố đan xen để hạn chế tình trạng HS phải học liên tục các VB cùng một thể loại, loại VB trong một khoảng thời gian dài.

2.1.2. Bên cạnh các mục Đọc, Viết, Nói và nghe, *Tiếng Việt 2* còn thiết kế mục Luyện tập để HS được thực hành, vừa đáp ứng yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe; vừa đáp ứng yêu cầu cung cấp một số kiến thức sơ giản về tiếng Việt và văn học được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018, môn Tiếng Việt ở lớp 2.

2.2. Cấu trúc bài học

Như đã nêu trên, *Tiếng Việt 2* thiết kế mỗi tuần 2 bài học: Bài thứ nhất học trong 4 tiết, gồm: *Đọc, Viết* (tập viết chữ hoa), *Nói và nghe* (kể chuyện hoặc luyện nói theo chủ điểm). Bài thứ hai học trong 6 tiết, gồm: *Đọc, Viết* (nghe – viết chính tả, bài tập chính tả), *Luyện tập* (luyện phát triển vốn từ, luyện đặt câu và luyện viết đoạn), *Đọc mở rộng*.

2.2.1. Đọc

Mạch Đọc có 3 phần: *Khởi động* trước khi đọc, *Đọc VB*, và *Hoạt động sau khi đọc* (*Trả lời câu hỏi* và *Luyện tập* theo văn bản đọc). Hệ thống câu hỏi đọc hiểu được thiết kế đa dạng. Ngoài câu hỏi tự luận theo cách truyền thống, còn có câu hỏi trắc nghiệm khách quan (áp dụng chủ yếu cho những câu hỏi có thể khó nếu HS phải trả lời theo hình thức tự luận) và câu hỏi được thiết kế kèm tranh minh họa, HS vừa phải hiểu VB vừa phải hiểu nội dung tranh để trả lời. Sau khi đọc VB, ngoài hoạt động chính là trả lời câu hỏi, HS còn có thể luyện từ, luyện câu và thực hành một số nghi thức lời nói được quy định trong chương trình. Các hoạt động thực hành này dựa trên ngữ liệu là VB đọc và những tình huống giao tiếp gợi ra từ VB đọc. Nhờ đó, việc thực hành sẽ gần với giao tiếp thực tế hơn. Đối với VB đọc là thơ, sau khi đọc VB còn có hoạt động học thuộc lòng một hai khổ thơ.

Do nội dung hoạt động sau khi đọc VB không chỉ có trả lời câu hỏi, nên sách dùng logo thay cho đề mục cho phần *Trả lời câu hỏi* và *Luyện tập* theo VB đọc. Theo đó, phần *Khởi động* và *Đọc VB* cũng dùng logo thay thế cho đề mục để bảo đảm tính hệ thống trong phần *Đọc* nói chung. Riêng hoạt động học thuộc lòng một hai khổ thơ thì đánh dấu bằng dấu hoa thị (*).

2.2.2. Viết

Mạch Viết bao gồm tập viết chữ hoa, nghe – viết chính tả một đoạn ngắn và thực hiện các bài tập chính tả âm, vần để bảo đảm HS đạt được yêu cầu cần đạt về “kỹ thuật viết”

của chương trình Tiếng Việt lớp 2. Do quy định HS không được viết, điền vào SHS nên các câu lệnh ở phần bài tập chính tả âm, vần chủ yếu dùng động từ “chọn”. Nhưng khi làm bài tập thì HS cần viết các từ ngữ có hiện tượng chính tả liên quan vào vở để hình thành kĩ năng viết đúng chính tả. GV có thể quyết định những từ ngữ nào cần viết căn cứ vào điều kiện thời gian và khả năng viết của HS.

Hầu hết các tuần đều có khoảng 1 tiết dành cho viết đoạn. Quy trình luyện viết đoạn thường bắt đầu bằng hoạt động nói trước khi viết với những hướng dẫn, gợi ý bằng tranh ảnh hoặc câu hỏi, giúp HS chuẩn bị nội dung để viết đoạn ngắn theo yêu cầu.

Tiếng Việt 2 đưa phần viết đoạn vào mục *Luyện tập* cùng với luyện từ và câu, nhằm giúp HS vận dụng ngay kiến thức, kĩ năng về từ và câu mà các em vừa có được vào thực hành viết đoạn.

2.2.3. Nói và nghe

Mạch Nói và nghe chủ yếu được triển khai dưới hình thức nghe kể chuyện và kể lại câu chuyện đã nghe hoặc kể lại câu chuyện đã đọc. Ở một số bài có hoạt động nói theo chủ đề.

Ở hoạt động kể chuyện, yêu cầu cần đạt về kĩ năng kể chuyện được chia thành 2 mức độ tương ứng với hai học kì. Ở học kì I, HS được yêu cầu nghe kể một câu chuyện đơn giản và kể lại 1 – 2 đoạn của câu chuyện đó. Ở học kì II, nghe kể một câu chuyện rồi kể lại từng đoạn của câu chuyện và toàn bộ câu chuyện. Sau kể chuyện ở lớp, có phần Vận dụng, chủ yếu là HS kể lại câu chuyện hoặc kể về một nhân vật trong câu chuyện đã nghe cho người thân hoặc viết 2 – 3 câu liên quan đến câu chuyện.

Ở hoạt động Luyện nói theo chủ đề, HS được nói và nghe về những chủ đề mà các em có nhiều trải nghiệm. Chẳng hạn:

– Tuần 1: Nói về những ngày hè của em (HS được kể những điều em nhớ nhất, được nói lên suy nghĩ, cảm xúc của mình sau kì nghỉ hè).

NÓI VÀ NGHE
Những ngày hè của em
1. Kể về điều đáng nhớ nhất trong kì nghỉ hè của em.
G:
– Nghỉ hè, em được đi những đâu?
– Em được tham gia những hoạt động nào?
– Em nhớ nhất điều gì?

2. Em cảm thấy thế nào khi trở lại trường sau kì nghỉ hè?

(*Tiếng Việt 2, tập một, trang 12*)

– Tuần 26: Nói về các hoạt động bảo vệ môi trường (HS được quan sát tranh và nói về những việc làm ảnh hưởng tốt hoặc không tốt đến môi trường, nói về những việc mình đã làm để góp phần bảo vệ môi trường).



(Tiếng Việt 2, tập hai, trang 63)

Như đã thấy, các tranh minh họa cung cấp những gợi ý cần thiết để HS hình thành nội dung cho hoạt động nói. Khi hiểu biết, trải nghiệm của HS còn giới hạn thì tranh minh họa là phương tiện hỗ trợ phù hợp và hữu hiệu giúp các em có được ý tưởng, thông tin để chia sẻ và trao đổi khi nói.

Ngoài kĩ năng kể chuyện và nói theo chủ điểm, kĩ năng sử dụng nghi thức lời nói (nói lời chào hỏi, chia tay, cảm ơn, xin lỗi, chúc mừng, chia buồn, an ủi,...) được tích hợp qua nhiều hoạt động học tập trong *Tiếng Việt 2*.

2.2.4. Luyện tập

Ở hoạt động *Luyện tập*, HS được thực hiện các bài tập về từ, câu và luyện viết đoạn văn theo hướng dẫn. Khác với mục *Luyện tập* theo VB đọc, ngữ liệu từ ngữ và câu ở đây tuy vẫn cần phù hợp với chủ điểm, nhưng không phụ thuộc vào VB đọc mà có tính chất mở.

Các nội dung luyện tập về từ ngữ (từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm), về câu (gồm cả dấu câu) được triển khai có tính hệ thống, bảo đảm tính khoa học và phù hợp với nhận thức của HS lớp 2. Sách không đưa ra các khái niệm, các định nghĩa về từ và câu mà HS được nhận diện và luyện tập chủ yếu theo các mẫu lời nói, vốn kinh nghiệm sử dụng từ và câu đã tích lũy cùng với sự hỗ trợ tích cực của các yếu tố trực quan. Các bài luyện tập về các kiểu câu không khai thác sâu vào đặc điểm cấu trúc của câu mà hướng vào nghĩa và chức năng (mục đích sử dụng) của câu, thể hiện qua cách gọi như: câu giới thiệu, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm. Các bài tập luyện từ và câu được biên soạn còn nhằm mục đích cung cấp “nguyên liệu” cho phần viết đoạn, tạo cơ hội để HS vận dụng trực tiếp và hiệu quả vào hoạt động viết đoạn.

2.2.5. Đọc mở rộng

Mỗi tuần học đều có khoảng 1 tiết cho hoạt động *Đọc mở rộng*. Đây được coi là nội dung vận dụng của bài học 6 tiết. *Đọc mở rộng* được đặt sau phần luyện viết đoạn. Hai hoạt động này dự kiến được tổ chức dạy học trong 2 tiết. Vì vậy, GV có thể sử dụng thời gian một cách linh hoạt. Nếu cần thiết, thời gian cho luyện viết đoạn có thể tăng thêm (1,5 tiết) và thời gian cho *Đọc mở rộng* có thể giảm xuống (0,5 tiết).

3 PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

3.1. Những yêu cầu cơ bản về đổi mới phương pháp dạy học Tiếng Việt

3.1.1. Đa dạng hoá các phương pháp, hình thức tổ chức và phương tiện dạy học là định hướng của Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018. Theo định hướng này, GV cần tránh vận dụng phương pháp dạy học một cách máy móc, rập khuôn; không tuyệt đối hoá một phương pháp trong dạy đọc, viết hay nói và nghe mà biết vận dụng các phương pháp phù hợp với đối tượng, bối cảnh, nội dung và mục đích của giờ học. Cần mở rộng không gian dạy và học, không chỉ giới hạn trong phạm vi lớp học mà còn có thể ở thư viện, sân trường, nhà bảo tàng, khu triển lãm,... Cần chú ý sử dụng các trò chơi ngôn ngữ, hướng dẫn HS cách dùng sơ đồ để thể hiện các ý tưởng, khuyến khích HS tự tìm đọc sách báo.

3.1.2. GV cần khơi gợi, kích hoạt, kết nối hiểu biết, trải nghiệm đã có ở HS để các em chiếm lĩnh kiến thức, kĩ năng mới. Điều đó khiến cho việc học trở nên thú vị và hiệu quả hơn đối với các em. GV cũng cần tạo được môi trường dạy học có tính tương tác cao. Trong môn Tiếng Việt, sự tương tác không chỉ giúp HS phát triển năng lực ngôn ngữ mà còn giúp các em phát triển các kĩ năng sống và tình cảm, cảm xúc tích cực đối với việc học. Tổ chức hoạt động dạy học dựa trên cơ sở phát huy hiểu biết, trải nghiệm của người học và tạo môi trường dạy học có tính tương tác cao chính là con đường đổi mới PPDH theo hướng phát huy năng lực người học.

3.1.3. GV cần tăng cường xây dựng những nội dung dạy học:

- Chứa đựng những tình huống có vấn đề cần giải quyết, giúp HS rèn phương pháp tư duy linh hoạt, năng động, sáng tạo. Chẳng hạn, thiết kế những loại bài tập mà HS có thể đưa ra nhiều phương án thực hiện khác nhau.
- Tạo cho HS cơ hội thể hiện chủ kiến, phát huy trí tưởng tượng và tư duy sáng tạo. Các GV cần cùng nhau xây dựng những nội dung dạy học tạo cơ hội để HS được trình bày ý kiến riêng của cá nhân. Đó là những nội dung học tập không mang tính áp đặt,

không buộc HS phải bắt chước, sao chép hoặc công nhận ý kiến của người khác. GV điều chỉnh cách nêu câu hỏi để HS tự bộc lộ suy nghĩ, cảm nhận của mình một cách chân thực.

– Yêu cầu HS vận dụng các kiến thức, kĩ năng được học vào giải quyết các tình huống trong thực tế đời sống. Nội dung dạy học này không chỉ yêu cầu HS tìm tòi, khám phá các kiến thức, rèn luyện các kĩ năng ngôn ngữ trong bài học mà còn có đòi hỏi các em phải vận dụng sáng tạo những điều được học vào thực tiễn giao tiếp ngôn ngữ. Cách tiếp cận này giúp cho môn Tiếng Việt gần gũi, thiết thực và thú vị hơn với HS.

3.1.4. Xây dựng nội dung dạy học cụ thể cho mỗi giờ lên lớp không chỉ là nhiệm vụ của tác giả biên soạn sách mà còn là nhiệm vụ của GV đứng lớp. GV là người hiểu rõ đối tượng HS của lớp mình, khi thiết kế hoạt động học tập cho HS, GV đã phải chuẩn bị các yêu cầu, các câu hỏi, các tài liệu học tập thích hợp cho từng nhóm đối tượng HS trong lớp, giúp các em có cơ hội bộc lộ thể mạnh cũng như khắc phục hạn chế của mình trong việc học tập môn học.

3.2. Hướng dẫn, gợi ý phương pháp tổ chức dạy học

Các bài học trong *Tiếng Việt 2* được thiết kế theo các mạch kĩ năng Đọc, Viết, Nói và nghe. Dưới đây là một số chỉ dẫn về phương pháp dạy học và cách thức tổ chức hoạt động học tập cho HS để phát triển các năng lực đặc thù của môn Tiếng Việt.

3.2.1. Phương pháp tổ chức dạy học Đọc

Chương trình môn Tiếng Việt lớp 2 yêu cầu HS đạt được các yêu cầu về kĩ thuật đọc (đọc thành tiếng) và đọc hiểu.

– *Việc đọc thành tiếng* các bài đọc là VB văn học giúp HS nắm được tốt hơn cốt truyện, sự phát triển tính cách nhân vật; cảm nhận được sâu sắc hơn hình tượng nghệ thuật của tác phẩm và những câu văn trau chuốt trong tác phẩm, có lợi cho việc phát triển năng lực thẩm mĩ và năng lực ngôn ngữ. GV nên dành thời gian cho HS luyện đọc thành tiếng bằng cách:

+ Vận dụng phương pháp rèn luyện theo mẫu: tạo ra các mẫu đọc đúng về phát âm, về ngắt nghỉ hơi khi đọc câu, đọc đoạn, đọc phân biệt lời nói của nhân vật... để HS thực hành theo.

+ Kết hợp sử dụng các kĩ thuật như: đọc lại cho bạn nghe hay tự đọc một mình, đọc theo cặp, theo nhóm, đọc nối tiếp từ, câu, đoạn; thi đọc tiếp sức; tổ chức bắt thăm đọc đoạn, bài, đọc phân vai,... để thay đổi không khí và tạo hứng thú đọc bài cho HS.

– *Với yêu cầu đọc hiểu*, ở nhiều bài học, *Tiếng Việt 2* thiết kế những câu hỏi, yêu cầu đọc hiểu đa dạng. Chẳng hạn:

+ Kể lại, tả lại người, vật, sự việc.

+ Đóng vai một nhân vật để kể về hành động, ý nghĩ, tình cảm, lời nói, đặc điểm... của nhân vật.

- + Đóng vai một nhân vật trong bài đọc để nói lời đối thoại giữa các nhân vật.
- + Nói lời khuyên nhân vật, nói lời bày tỏ suy nghĩ, tình cảm đối với nhân vật, sự việc.
- + Đưa ra cách giải quyết khác, cách kết thúc khác so với cách giải quyết trong bài đọc.
- + Thảo luận, tranh luận về ý nghĩa của một số chi tiết quan trọng trong bài.

Ví dụ:

– Câu hỏi đọc hiểu ở bài *Về chim*:



- Kể tên các loài chim được nhắc đến trong bài về.
- Chơi đồ vui về các loài chim.
M: – Chim gì vừa đi vừa nhảy?
– Chim sáo.
- Tìm từ ngữ chỉ hoạt động của các loài chim trong bài về.
M: chạy lon xon
- Dựa vào nội dung bài về và hiểu biết của em, giới thiệu về một loài chim.
M: – Tên loài chim: sáo
– Đặc điểm: vừa đi vừa nhảy, hát hay

* Học thuộc lòng 8 dòng đầu trong bài về.

(*Tiếng Việt 2, tập hai, trang 40*)

– Câu hỏi đọc hiểu ở bài *Cỏ non cười rồi*:



- Nói tiếp câu tả cảnh mùa xuân trong công viên:
a. Cỏ (...).
b. Đàn én (...).
c. Trẻ em (...).
- Vì sao cỏ non lại khóc?
- Thương cỏ non, chim én đã làm gì?
- Thay lời chim én, nói lời nhắn nhủ tới các bạn nhỏ.

(*Tiếng Việt 2, tập hai, trang 58*)

Theo cách như vậy, HS được tự khám phá, thử nghiệm và phát triển năng lực nhận thức của mình.

– Trong dạy đọc hiểu, khi trao đổi, thảo luận về VB đọc, GV nên cho HS nêu nhận xét, phát biểu cảm nghĩ và nói về ý nghĩa của bài đọc đối với các em. Đối với VB văn học, cần chú ý khơi gợi để HS thể hiện thái độ hay nói về những lựa chọn cách ứng xử khi đặt mình vào tình huống, hoàn cảnh của nhân vật trong bài đọc, liên hệ bối cảnh của tác phẩm với những trải nghiệm của các em. Làm như vậy sẽ khuyến khích các em có những phát biểu riêng theo cảm nhận của từng cá nhân. Nhờ những nhận xét và phát biểu đó, GV có thể biết được tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ, mong muốn và sự phát triển nhân cách của từng HS qua mỗi bài học. Và bằng cách đó, bài học giúp các em trưởng thành trong tình cảm và nhận thức, có bản lĩnh, nghị lực và khả năng giải quyết, ứng phó với các tình huống, những thách thức trong cuộc sống hằng ngày.

– Trong quá trình hướng dẫn HS đọc hiểu, GV điều chỉnh, bổ sung câu hỏi phù hợp với các nhóm đối tượng HS trong lớp. Hệ thống câu hỏi trong bài học phải đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực của HS. GV cần luyện cho HS thói quen đọc kĩ bài đọc, nhớ chi tiết để trả lời câu hỏi, giúp các em liên hệ nội dung của tác phẩm với kiến thức, trải nghiệm cá nhân mà HS có được trước khi đọc.

– Đọc là một kĩ năng quan trọng trong môn Tiếng Việt, giúp HS mở rộng hiểu biết, phát triển vốn ngôn ngữ, trau dồi cảm xúc. Việc dạy đọc đòi hỏi GV thấm nhuần quan điểm: Mỗi người đọc là một chủ thể tiếp nhận năng động, sáng tạo và quá trình đọc hiểu văn bản mang dấu ấn riêng của từng độc giả. Khi HS đưa ra các ý kiến nhận xét, đánh giá, GV cần tôn trọng tính cách và cá tính của mỗi HS, khích lệ những suy nghĩ độc đáo, mới lạ và tích cực, những ý kiến tranh luận, phản biện có lí lẽ của các em.

3.2.2. Phương pháp tổ chức dạy học Viết

– Về kĩ năng viết chữ hoa và viết chính tả, nhìn chung, sách vẫn kế thừa những ưu điểm của sách Tiếng Việt trước đây. Song, ở yêu cầu viết đoạn ngắn, sách có nhiều thay đổi theo yêu cầu của chương trình.

– Về kĩ năng viết đoạn, *Tiếng Việt 2* luôn tạo sự kết nối hài hoà, chặt chẽ giữa viết với đọc cũng như nói và nghe. Qua việc đọc và thảo luận về các VB đã đọc, HS có thể tìm thấy “khuôn mẫu” để phát triển năng lực viết của mình (về cả nội dung và ngôn ngữ biểu đạt). Trong *Tiếng Việt 2*, HS được luyện viết đoạn với các yêu cầu như:

+ Thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia.

+ Tả một đồ vật gần gũi, quen thuộc.

+ Giới thiệu về một đồ vật quen thuộc.

+ Viết về tình cảm của mình đối với người thân hoặc sự việc.

Ngoài ra, HS còn phải viết thời gian biểu, bưu thiếp, tin nhắn, lời cảm ơn, lời xin lỗi.

– Việc dạy viết có thể thực hiện theo nhiều cách thức khác nhau, tùy theo các nhóm đối tượng HS. Ở lớp 2, có thể lựa chọn một trong hai cách sau:

+ Cách 1: Hướng dẫn HS đọc đoạn văn mẫu → Phân tích đoạn văn mẫu → HS tự viết đoạn văn theo yêu cầu (cùng kiểu loại nhưng khác đề tài với đoạn văn mẫu), có dàn ý được gợi ý dưới hình thức các câu hỏi, thường được thiết kế dưới hình thức sơ đồ. (Đôi khi có thể thêm bước chuyển tiếp giữa phân tích mẫu và yêu cầu HS tự viết đoạn văn theo yêu cầu: cùng viết một đoạn văn tương tự, cùng kiểu loại, nhưng khác đề tài). Sau khi viết xong, HS cần có cơ hội nói, trình bày những gì đã viết. Ví dụ:



1. Đọc đoạn văn sau và kể lại các hoạt động của nhà gấu vào mùa xuân, mùa thu và mùa đông.

Nhà gấu ở trong rừng

Nhà gấu ở trong rừng. Mùa xuân, cả nhà gấu kéo nhau đi bẻ măng và uống một ong. Mùa thu, gấu đi nhặt quả hạt dẻ. Gấu bố, gấu mẹ, gấu con cũng béo rung rinh, bước đi lạch lè, lạch lè. Béo đến nỗi khi mùa đông tới, suốt ba tháng rét, cả nhà gấu đứng tránh gió trong gốc cây, không cần đi kiếm ăn, chỉ mút hai bàn chân mỡ cũng đủ no.

(Tô Hoài)

2. Viết 3 – 5 câu kể lại hoạt động của một con vật mà em quan sát được.

G:

- Em muốn kể về con vật nào?
- Em đã được quan sát kĩ con vật đó ở đâu? Khi nào?
- Kể lại những hoạt động của con vật đó.
- Nêu nhận xét của em về con vật đó.

(*Tiếng Việt 2, tập hai, trang 53*)

+ Cách 2: Tổ chức cho HS trao đổi về đề tài có liên quan đến nội dung của đoạn văn mà các em cần viết. GV cũng có thể cho HS quan sát tranh để gợi ý tưởng cho hoạt động trao đổi. Qua trao đổi, HS được huy động hiểu biết, trải nghiệm, cảm xúc của cá nhân hoặc của cả nhóm → Viết đoạn văn theo yêu cầu của tiết luyện viết dựa vào ý tưởng, cảm xúc có được từ trao đổi và theo dàn ý được gợi ý dưới hình thức các câu hỏi (thường được thiết kế dưới hình thức sơ đồ).



(Tiếng Việt 2, tập hai, trang 124-125)

Việc dạy viết cần tạo cơ hội để các em được thực hành nhiều, tự phát hiện và sửa lỗi, chỉnh sửa, hoàn thiện đoạn văn theo góp ý của bạn bè, thầy cô. Sau khi HS hoàn thành bài viết, GV nên dành thời gian để sửa kĩ và nhận xét những tiến bộ của HS thể hiện trong bài viết. Qua việc đọc các bài viết của HS, GV nắm được các em có những hạn chế gì cần khắc phục để có những hỗ trợ phù hợp với từng em.

3.2.3. Phương pháp tổ chức dạy học Nói và nghe

Định hướng của chương trình là giúp HS phát triển toàn diện năng lực giao tiếp, thể hiện không chỉ qua đọc, viết, mà còn qua cả nói và nghe. Đối với kĩ năng nói và nghe, HS sẽ được học kết hợp cả yêu cầu nói và nghe cùng lúc. Có bài chủ yếu yêu cầu về nói, có bài yêu cầu cả nói và nghe, có bài yêu cầu nói và nghe tương tác.

Đối với việc dạy nói và nghe, GV cần hướng dẫn cho HS cách chuẩn bị nội dung nói và cách nói trước nhóm, lớp. Cần tạo được môi trường để HS được tự tin và tự do trình bày suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc của mình.

– Về kĩ năng nói: GV cần chú ý hướng dẫn HS biết cách tập trung vào nội dung và mục tiêu khi nói; thể hiện sự tự tin; biết cách nói rõ ràng, mạch lạc, giúp người nghe dễ nắm bắt được nội dung. Khi kể chuyện, GV lưu ý HS kể lại các sự việc và nhân vật trong câu chuyện theo những gì đã nghe (chỉ kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe một cách sáng tạo khi có yêu cầu). Giọng kể cần phân biệt ngôn ngữ của người kể chuyện và ngôn ngữ của nhân vật.

– Về kĩ năng nghe: HS cần được rèn luyện kĩ năng nghe hiểu và thái độ lắng nghe phù hợp. Khi nghe, HS cần nắm bắt được nội dung do người khác nói; biết trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói.

– Về kĩ năng nói và nghe tương tác: Thông qua hoạt động trao đổi, thảo luận, HS thấy được tác động qua lại của ngôn ngữ nói trong giao tiếp, từ đó biết điều chỉnh thái độ khi trao đổi, thảo luận. Thông qua hoạt động nói và nghe, HS từng bước rèn kĩ năng giải quyết vấn đề trong trao đổi, thảo luận.

Dạy ngôn ngữ nói và viết thông qua bốn kĩ năng (đọc, viết, nghe, nói) là xu hướng chung của chương trình dạy tiếng mẹ đẻ hiện nay. Chú trọng rèn kĩ năng nói sẽ tiếp tục phát triển vốn ngôn ngữ của HS với tư cách người bản ngữ, phát huy được năng lực cá nhân của các em, giúp các em chủ động hơn, tự tin hơn trong quá trình tiếp thu kiến thức và rèn kĩ năng ngôn ngữ.

4 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

4.1. Định hướng chung

Hướng dẫn đánh giá kết quả học tập trong *Tiếng Việt 2* tuân thủ định hướng đổi mới về mục tiêu, nội dung, cách thức đánh giá trong môn Ngữ văn nói chung và tiếp tục quan điểm đổi mới đánh giá được triển khai ở lớp 1.

4.1.1. Về mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của HS nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong học tập, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học.

4.1.2. Về nội dung đánh giá

Đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe được quy định trong chương trình.

– Về phẩm chất: Đánh giá HS thông qua các biểu hiện về: yêu thương, quan tâm đến người thân trong gia đình; yêu quý bạn bè, thầy cô và những người xung quanh; yêu thiên nhiên, yêu quê hương và nơi sinh sống.

– Về năng lực chung

+ *Năng lực tự chủ và tự học*: Đánh giá khả năng tự làm được những việc của mình theo sự phân công, hướng dẫn; nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân.

+ *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Đánh giá khả năng tập trung chú ý khi giao tiếp; nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp; bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng; biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn; có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập.

+ *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Đánh giá khả năng nhận ra được những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi; nêu được thắc mắc về sự vật, hiện tượng.

– Về năng lực đặc thù (đọc, viết, nói, nghe)

+ *Đọc*: Đánh giá kĩ năng đọc gồm kĩ năng đọc thành tiếng và kĩ năng đọc hiểu. Ở lớp 2, HS đã vượt qua giai đoạn đánh vần. Vì vậy, việc đánh giá cần tập trung vào kĩ năng đọc VB với yêu cầu đọc đúng, rõ ràng, trôi chảy và theo tốc độ như chương trình quy định.

Đánh giá kĩ năng đọc hiểu dựa vào kết quả HS trả lời các câu hỏi liên quan đến không chỉ những nội dung tường minh như ở lớp 1, mà cả những nội dung hàm ẩn đơn giản. Bên cạnh đó, *Tiếng Việt 2* cũng thiết kế một số câu hỏi tạo cơ hội cho HS tìm hiểu bước đầu về đặc điểm thể loại hay loại VB và đặc điểm ngôn ngữ của VB đọc. Việc thiết kế những câu hỏi kiểu này giúp HS từng bước định hình được “mô hình đọc hiểu” đối với từ thể loại hay loại VB.

+ *Viết*: Đánh giá kĩ năng viết dựa trên nhiều hình thức viết đa dạng với những yêu cầu khác nhau: nghe – viết chính tả, hoàn thành bài tập chính tả âm vần, viết đoạn ngắn (3 – 4 câu) theo yêu cầu về kiểu loại VB viết được quy định trong chương trình. Ngoài đánh giá kĩ năng viết chữ đúng nét, viết đúng chính tả, cần chú ý đến đánh giá kĩ năng dùng từ ngữ, đặt câu và đặc biệt là kĩ năng viết đoạn văn dựa trên những ý tưởng sáng tạo và đúng với yêu cầu về kiểu VB theo yêu cầu của chương trình. Đây là bước khởi đầu để HS có được kĩ năng viết bài văn hoàn chỉnh ở các lớp trên.

+ *Nói và nghe*: Đánh giá về sự tự tin của HS khi kể chuyện, nói, trao đổi, thảo luận trong nhóm và trước lớp; khả năng phát âm đúng, rõ với tốc độ phù hợp; khả năng tập trung vào nội dung cần kể, nói và sử dụng ngôn ngữ chính xác; khả năng tập trung khi nghe và hiểu được câu chuyện đã nghe; khả năng trả lời câu hỏi thể hiện hiểu được nội dung đã nghe.

4.1.3. Về cách thức đánh giá

Đánh giá phẩm chất và năng lực chung của HS chủ yếu đánh giá bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét và được thực hiện trong suốt năm học. Các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe được đánh giá kết hợp cả định tính và định lượng, được thực hiện trong suốt năm học và cuối học kì I, cuối năm học. Nhà trường và GV có thể dựa vào cấu trúc và mức độ yêu cầu về đọc, viết, nói và nghe trong để kiểm tra giới thiệu ở cuối sách để thiết kế để kiểm tra phù hợp với HS của mình.

4.2. Đánh giá kết quả học tập trong sách giáo khoa *Tiếng Việt 2*

Tiếng Việt 2 thực hiện đánh giá kết quả học tập của HS theo những định hướng chung nói trên, từ đánh giá thường xuyên đến đánh giá định kì. Cuối mỗi tập, *Tiếng Việt 2* có thiết kế để kiểm tra cuối học kì để GV tham khảo. Các đề tham khảo đánh giá các kiến thức tiếng Việt và kĩ năng đọc, viết mà HS đã học trong mỗi học kì. GV có thể dựa vào cấu trúc này để thiết kế để phù hợp với điều kiện thực tế của HS.

– Dưới đây là đề kiểm tra cuối học kì I (tập một, trang 141 – 142):

PHẦN II – ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1

(Đề tham khảo)

A. ĐỌC

1. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

ĐÀN MƯA CON

Đàn mây đen trĩu nặng
Cúi mình xuống thấp dần
Cho đến khi rơi vào
Sinh ra triệu đàn con.

Đàn mưa con bé tí
Trong trẻo như giọt sương
Vua mới rời xa mẹ
Đã con đầm xuống đường.

Giọt đầu vào cánh khẽ
Giọt thấm xuống cánh đồng
Giọt bay trên má phở
Nhảy dù xuống đồng sông.

Sau nhiều ngày trời nổi
Đi du lịch khắp nơi
Chúng gặp nhau ở biển
Làm sóng trắng trùng khơi.

(Phi Tuyết Bào)

a. Trong bài thơ, những giọt mưa được gọi là gì?
b. Giọt mưa rơi xuống những đâu?

2. Đọc hiểu

CỎ VÀ LÚA

Ngày xưa, cỏ và lúa là hai chị em ruột, dáng đẹp giống hệt nhau. Khi lớn lên, mẹ cho cỏ và lúa ở riêng, mỗi người một cánh đồng. Lúa chăm chỉ hăng hái, dần dần, tích lũy chất màu từ đất, làm ra những hạt thóc vàng. Cỏ cô, chỉ mãi đùa nghịch với những giọt sương long lanh đọng trên lá. Dần dần, cỏ ốm o gầy còm, chẳng làm ra sản phẩm gì có ích.

Một hôm, lúa mới có và bạn bè tới chơi. Sau khi ăn uống đủ đầy, cỏ lờn ra ngủ. Thấy nhà của chị lúa sáng sủa, mát mẻ, cỏ xin ở lại. Lúa vốn hiền lành và thương em, nên đã đồng ý. Từ đấy, cỏ sống chung với lúa. Cỏ còn đùa nghịch vào những ngày nắng giống như ngày xưa, khoai, sắn... Chỉ đến đầu gió, tình tình cỏ vẫn không thay đổi. Chẳng ai ưa cái tình lười nhác của cỏ.

(Theo Nguyễn Anh)

Trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu.

a. Trong câu chuyện, lúa và cỏ có mối quan hệ như thế nào?
☑ Là bạn của nhau
☑ Là hai chị em ruột
☑ Là láng giềng của nhau

b. Sau một thời gian ra ở riêng, cỏ và lúa khác nhau như thế nào?

cỏ	lười ra những hạt thóc vàng
lúa	ốm o gầy còm, chẳng làm ra sản phẩm gì
	sống dựa dẫm vào ngô, khoai, sắn...

c. Vì sao lúa làm ra được sản phẩm có ích?
☑ Vì lúa chăm chỉ
☑ Vì lúa hiền lành
☑ Vì lúa ở nơi sáng sủa

d. Vì sao cỏ không được ai ưa thích?
e. Chọn **đầu chấm**, **đầu chấm hỏi** hoặc **đầu chấm than** thay cho ô vuông.

Cỏ – Chị lúa ơi, chị cho em ở lại nhà chị được không?
Lúa – Ủ, em ở lại đây, chị em mình sẽ cùng nhau làm việc!
Cỏ – Cảm ơn chị nhé!

B. VIẾT

1. Nghe – viết: Cỏ và lúa (từ *Lúa chăm chỉ đến cỏ lười*).

2. Viết 3 – 4 câu kể về một việc làm tốt của em ở nhà hoặc ở trường.

G:

- Việc tốt em đã làm là việc gì?
- Em làm việc đó ở đâu, khi nào?
- Em có suy nghĩ, cảm xúc gì sau khi làm việc đó?

– Dưới đây là đề kiểm tra cuối học kì II (tập hai, trang 139 – 142):

PHẦN II – ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 2

(Đề tham khảo)

A. ĐỌC

1. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

Cây bàng

Cứ vào mùa đông
Gió về rét buốt
Cây bàng trụi trơ
Là cánh rừng hết
Chắc là nó rét
Khi vào mùa nắng
Tán lá xoải ra
Như cái ô to
Đang lộng bóng mát
Bóng bàng tròn lấm
Trần như cái nong
Em ngồi vào trong
Mát ơi là mát!
Ai bàng tốt lắm
Bàng che cho em
Nhưng ai che bàng
Cho bàng khỏi nắng?

(Xuân Quỳnh)



a. Mùa đông, cây bàng như thế nào?
b. Mùa nào cây bàng tỏa bóng mát?

2. Đọc hiểu

Cánh chim báo mùa xuân



Bốn nàng tiên Xuân, Hạ, Thu, Đông sống trên bốn ngọn núi. Năm ấy không hiểu vì sao, mùa đông kéo dài lê thê. Muốn loại khổ sở vì rét, bốn cô chim công có sắc đẹp long lanh nhất đã đón nàng tiên mùa xuân. Nhưng đường xa, gió lạnh, công lại ốm, phải quay về.

Suốt tuần đi thay công, Cây khoai, su tử đã không nghĩ, nhưng rồi dưới sức dẫn, không đi tiếp được.

Chim én nói:
– Mẹ cháu họ ngày càng nặng. Không có nắng ấm mùa xuân, mẹ cháu khó qua khỏi. Cháu xin đi!

Muống thu dòng ý. Chim én mẹ nhỏ lông cánh tất thành chiếc áo choàng cho con. Ăn con bay mãi, bay mãi, cuối cùng cũng đến chỗ ở của nàng tiên mùa xuân. Ăn con thấy một chú chim có ro bên đường liền

cái áo choàng đáp cho bạn. Chú chim bỗng biến mất, nàng tiên mùa xuân hiện ra:

– Con thật hiếu thảo, nhân hậu và dũng cảm! Ta chọn con làm sứ giả của mùa xuân.

Ăn con trở về cùng nàng tiên mùa xuân. Từ đó, mỗi khi thấy chim én bay liệng, muôn loài biết rằng mùa xuân sắp về.

(Theo kể chuyện cho bé)

Tư ngữ

Sứ giả của mùa xuân: người được coi là đại diện cho mùa xuân.

Trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu.

a. Lúc đầu, muốn thú chọn con vật như thế nào để đi đón nàng tiên mùa xuân?

☑ Có sắc đẹp
☑ Có sức khỏe
☑ Có lông đủ cảm

b. Con vật nào đã được cử đi đón tiên?
☑ chim công
☑ chim én
☑ su tử

c. Vì sao chim én xin đi đón nàng tiên mùa xuân?
☑ Vì chim én biết mình bay nhanh.
☑ Vì chim én khỏe hơn công và su tử.
☑ Vì chim én muốn đem nắng ấm về cho mẹ.

d. Nhờ đâu chim én đến được nơi ở của nàng tiên mùa xuân, không bỏ về giữa chừng?

e. Khi nào nàng tiên mùa xuân mới hiện ra trước mắt chim én?

g. Vì sao chim én được chọn làm sứ giả của mùa xuân?

h. Đầu câu nào thích hợp với các ô vuông dưới đây?

Muống thu dòng ý...
☑ ốm đau vì mùa đông kéo dài.

B. VIẾT

1. Nghe – viết: Cây bàng (3 khổ thơ đầu).

2. Chọn a hoặc b.

a. Chọn s hoặc x thay cho ô vuông.

Hàng chuỗi lên...
Phi lao rơi trập trùng
Vài ngôi nhà ngói đỏ
In bóng...
☑ ường...
☑ ường...
(Theo Trần Đăng Khoa)

b. Chọn **đầu hỏi** hoặc **đầu ngã** cho chữ in đậm.

Một bác chải lông...
Buồng cầu trong bóng chiếu
Bóng nhàn con cá nhỏ
Nhảy lên thuyền như tre.

(Theo Trần Đăng Khoa)

3. Viết 4 – 5 câu kể lại một hoạt động ở trường hoặc lớp em (biểu diễn văn nghệ, đi tham quan, đồng diễn thể dục,...).

G:

- Trường (hoặc lớp em) đã tổ chức hoạt động gì? Ở đâu?
- Hoạt động có những ai tham gia? Mọi người đã làm những việc gì?
- Nếu suy nghĩ, cảm xúc của em về hoạt động đó.

5 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

5.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử

Trong bối cảnh việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong giáo dục được Đảng và Nhà nước định hướng và chỉ đạo xuyên suốt tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khoá XI, Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy – học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025”, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN) đã khẩn trương triển khai việc ứng dụng CNTT trong công tác tập huấn GV sử dụng các bộ SGK của NXBGDVN, cũng như phát triển các công cụ và học liệu điện tử giúp khai thác tối ưu giá trị của các bộ SGK.

Cụ thể hơn, kể từ năm 2019, NXBGDVN giới thiệu hai nền tảng sau:

- Một là nền tảng sách điện tử *Hành trang số* cho phép người dùng truy cập phiên bản số hoá của SGK mới và các học liệu điện tử bám sát Chương trình, SGK mới, qua đó giúp phong phú hoá tài liệu dạy và học, đồng thời khuyến khích người dùng ứng dụng các công cụ CNTT trong quá trình tiếp cận chương trình mới.
- Hai là nền tảng *Tập huấn* GV trực tuyến. *Tập huấn* hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận các tài liệu tập huấn, bồi trợ và hướng dẫn giảng dạy Chương trình, SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học. Các tài liệu chính thống được NXBGDVN cung cấp xuyên suốt tới các cấp quản lý giáo dục (QLGD) và GV sử dụng các bộ SGK. NXBGDVN cam kết thực hiện việc hỗ trợ GV, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử sử dụng hai nền tảng *Hành trang số* và *Tập huấn* như sau:

* Tiếp tục cập nhật nguồn tài nguyên sách đổi mới

Trong năm 2021, NXBGDVN tiếp tục thường xuyên cập nhật thông tin, cung cấp kho tài nguyên bao gồm: học liệu điện tử hỗ trợ việc dạy và học, công cụ hỗ trợ giảng dạy và tự luyện tập, tài liệu tập huấn GV,... xuyên suốt trong năm. Tiến độ cập nhật kho tài nguyên sẽ đồng hành với tiến trình thay SGK theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Dự kiến khối lượng học liệu điện tử được đăng tải trên *Hành trang số* trong năm 2021 khoảng hơn 10 000 học liệu, bao gồm lớp 1, lớp 2 và lớp 6 theo Chương trình,

SGK mới. Ngoài ra, tài nguyên tập huấn GV trực tuyến và các thông tin giới thiệu về bộ SGK sẽ được đăng tải nhanh chóng và kịp thời từ giai đoạn đầu năm 2021.

*** Đảm bảo cách thức tiếp cận (nguồn tài nguyên sách) dễ dàng, có tính ứng dụng cao**

– Đối với nền tảng sách điện tử *Hành trang số*, việc tiếp cận học liệu điện tử theo sách được thực hiện qua hai bước sau: (1) Người dùng cào tem phủ nhũ phía sau bìa sách để nhận mã sách điện tử; (2) Người dùng đăng nhập trên nền tảng *Hành trang số* và nhập mã sách điện tử đối với cuốn sách mình muốn mở học liệu điện tử. Sau khi hệ thống xác nhận mã sách chính xác, người dùng được mở toàn bộ học liệu điện tử đi kèm cuốn sách.

– Đối với nền tảng *Tập huấn GV* trực tuyến, các tài liệu tập huấn được đăng tải rộng rãi và được truy cập bất kì thời điểm nào trong năm. Người dùng có thể sử dụng tính năng “Trải nghiệm ngay” để tiếp cận tài liệu mà không cần đăng nhập. Các tài liệu có thể xem trực tiếp trên nền tảng hoặc tải về máy phục vụ mục đích học tập.

*** Hỗ trợ thường xuyên trong năm học**

Nhằm hỗ trợ tối đa các cán bộ QLGD, GV và HS trên cả nước sử dụng hiệu quả hai nền tảng *Hành trang số* và *Tập huấn* trong dạy và học, cũng như cung cấp thông tin về các nguồn tài nguyên sách được đăng tải, NXBGDVN đã và đang triển khai Đường dây hỗ trợ – 19004503 (hoạt động 08:00-17:00, từ thứ Hai đến thứ Sáu). Các câu hỏi liên quan tới hai nền tảng trên có thể gửi về địa chỉ email: taphuan.sgk@nxbgd.vn và hotro.hts@aesgroup.edu.vn để được giải đáp.

Ngoài ra, tài liệu hướng dẫn sử dụng cũng được đăng tải trên hai nền tảng và chia sẻ rộng rãi, người dùng có thể trực tiếp tra cứu và tìm hiểu.

5.2. Hướng dẫn khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học

5.2.1. Giới thiệu về *Hành trang số*

Hành trang số là nền tảng sách điện tử của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền hanhtrangso.nxbgd.vn. *Hành trang số* cung cấp phiên bản số hoá của SGK theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và cung cấp các học liệu điện tử hỗ trợ nội dung SGK và các công cụ hỗ trợ việc giảng dạy, học tập của GV và HS. *Hành trang số* bao gồm ba tính năng chính: Sách điện tử; Luyện tập; Thư viện.

– Tính năng Sách điện tử cung cấp trải nghiệm đọc và tương tác phiên bản số hoá của SGK theo chương trình mới. Trong đó, *Hành trang số* tôn trọng trải nghiệm đọc sách

truyền thống với giao diện lật trang mềm mại, mục lục dễ tra cứu, đồng thời cung cấp các công cụ như: phóng to, thu nhỏ, đánh kèm trực tiếp các học liệu bổ trợ lên trang sách điện tử, luyện tập trực quan các bài tập trong sách đi kèm kiểm tra đánh giá,... Người dùng truy cập SGK mọi lúc mọi nơi, sử dụng đa dạng thiết bị điện thoại, máy tính bảng hay laptop, phục vụ đồng thời việc giảng dạy trên lớp và việc tự học tại nhà.

– Tính năng Luyện tập cung cấp trải nghiệm làm bài tập phiên bản số hoá đối với các bài tập trong SGK và SBT của NXBGDVN. Tính năng mang tới giao diện tối giản, thân thiện cùng các công cụ hỗ trợ hành vi tự luyện tập của người dùng như: Kiểm tra kết quả, Gợi ý – Hướng dẫn làm bài tập, Bàn phím ảo, Tích hợp kết quả luyện tập với Biểu đồ đánh giá năng lực cá nhân. Bên cạnh hệ thống bài tập sắp xếp theo danh mục SGK, SBT, Hành trang số đồng thời cung cấp hệ thống bài tập tự kiểm tra, đánh giá bám sát Chương trình, SGK mới, giúp người dùng trải nghiệm thêm kho bài tập bổ trợ kiến thức trên lớp.

– Tính năng Thư viện cung cấp hệ thống kho học liệu điện tử bổ trợ Chương trình, SGK mới. Tại đây, người dùng tiếp cận trực quan học liệu điện tử dưới ba định dạng chính: video, gif/hình ảnh, âm thanh. Các học liệu điện tử được sắp xếp khoa học theo mục lục của SGK và bám sát hình ảnh, chương trình, qua đó giúp sinh động và phong phú hoá bài học. *Hành trang số* đồng thời cung cấp hệ thống bài giảng tham khảo, gồm hai nội dung: Bài giảng dạng PowerPoint với các tương tác tham khảo được thiết kế sẵn, song hành cùng Kịch bản dạy học tham khảo. Qua đó, *Hành trang số* mong muốn hỗ trợ GV trong việc thiết kế bài giảng sử dụng học liệu điện tử.

5.2.2. Giới thiệu về *Tập huấn*

Tập huấn là nền tảng tập huấn GV trực tuyến của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền: taphuan.nxbgd.vn. *Tập huấn* cung cấp tài liệu tập huấn GV với đa dạng nội dung và định dạng, nhằm hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận tài liệu tập huấn, hỗ trợ hướng dẫn giảng dạy Chương trình, SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học. Việc cấp tài khoản trên *Tập huấn* được triển khai có hệ thống, cấp trên thiết lập cho cấp dưới trực thuộc: sở giáo dục và đào tạo cấp tài khoản cho các phòng giáo dục và đào tạo; phòng giáo dục và đào tạo cấp tài khoản cho nhà trường, nhà trường cấp tài khoản cho GV. Việc cấp tài khoản có hệ thống đảm bảo GV được định danh, nhờ vậy các cấp quản lí có thể nắm bắt, đánh giá, quản trị hiệu quả triển khai tập huấn tại địa phương.

– Đối với tài khoản GV: Tính năng “Tập huấn” cung cấp các khoá tập huấn đối với các môn học của các bộ SGK. Các khoá tập huấn đăng tải những tài liệu tập huấn do NXBGDVN biên soạn dưới đa dạng các định dạng: PowerPoint, PDF/Word, video,... và được phân loại theo các nhóm nội dung: tài liệu tập huấn, bài giảng tập huấn, tiết học minh hoạ, video tập huấn trực tuyến, video hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học,... hỗ trợ quý thầy cô truy cập bất kì thời điểm nào trong năm học. Mỗi khoá tập huấn đăng tải bài kiểm tra, đánh giá tương ứng, sau khi kết thúc khoá tập huấn, GV thực hiện bài kiểm tra và hệ thống sẽ thực hiện việc chấm điểm tự động.

– Đối với tài khoản cấp QLGD (sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo, nhà trường): Tính năng “Tài liệu bổ sung” cho phép các cơ quan quản lý giáo dục đăng tải các tài liệu tập huấn bổ trợ của địa phương, qua đó các cấp dưới trực thuộc sẽ tiếp cận được nguồn tài nguyên này. Tính năng Thống kê cung cấp số liệu thống kê về thông tin định danh và kết quả tập huấn của GV trực thuộc, trong đó các số liệu được hệ thống thể hiện trực quan qua bảng biểu, biểu đồ và có thể trích xuất định dạng excel phục vụ công tác báo cáo của cấp quản lý giáo dục.

5.2.3. Giới thiệu về nguồn tài nguyên học liệu điện tử

Nhằm phục vụ công tác tập huấn GV, NXBGDVN đã đăng tải các tài liệu tập huấn của 4 bộ SGK lớp 1 với đa dạng định dạng và nội dung như: video tiết học minh hoạ; tài liệu tập huấn (PDF, PowerPoint, Word); hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học; bài kiểm tra, đánh giá; video lớp học trực tuyến;... Các tài liệu được phân tách theo từng môn học, đảm bảo dễ tiếp cận và sử dụng tại bất kì thời điểm nào trong năm học.

Khoản 2 Điều 2 Thông tư 12/2016/TT-BGDĐT quy định: “Học liệu điện tử là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: sách giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, bài kiểm tra, đánh giá, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm ảo,... Học liệu điện tử được phân làm hai loại: (1) Tương tác một chiều: Học liệu được số hoá dưới các định dạng như video, audio, hình ảnh,..., hình thức tương tác chủ yếu giữa người học và hệ thống là một chiều; (2) Tương tác hai chiều: người học có thể tương tác hai chiều hoặc nhiều chiều với hệ thống, giảng viên và người học khác để thu được lượng kiến thức, kinh nghiệm tối đa. Các sản phẩm có thể kể đến như các sách điện tử tương tác, trò chơi giáo dục, lớp học ảo,...”

– Đối với học liệu điện tử tương tác một chiều, tính tới tháng 12/2020, NXBGDVN đã đăng tải hơn 6 000 học liệu điện tử đối với 4 bộ SGK lớp 1, tổng số học liệu điện tử

được đăng tải trên *Hành trang số* là hơn 10 000 học liệu. Định dạng đa dạng, bao gồm: video, âm thanh, hình ảnh, ảnh động, 3D, slide bài giảng tham khảo, kịch bản tham khảo dạng PowerPoint và PDF,... hỗ trợ GV khai thác tối đa giá trị bộ SGK.

– Đối với tương tác hai chiều, NXBGDVN đã đăng tải hơn 4 100 bài tập tương tác theo Chương trình lớp 1, trong đó các định dạng được lập trình phong phú, theo sát nội dung bài tập trong sách, bao gồm: trắc nghiệm 1 đáp án đúng, trắc nghiệm nhiều đáp án đúng, chọn đúng – sai, điền câu trả lời vào ô trống, điền từ vào chỗ trống, nối hình, select box, tự luận.

Các học liệu điện tử đều bám sát hình ảnh và nội dung của bộ sách, tuân thủ triết lý của mỗi bộ sách, tham vấn sách GV, được tác giả hướng dẫn và thẩm định.

5.2.4. Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên học liệu điện tử trong các hoạt động dạy học

Quý thầy cô có thể linh động sử dụng các nguồn tài nguyên do NXBGDVN cung cấp như sau:

– Đối với kho học liệu điện tử được đính kèm trên trang sách điện tử và được tổng hợp tại tính năng “Thư viện”, các thầy, cô giáo có thể tải về hoặc sử dụng trực tiếp nguồn học liệu dồi dào và bổ ích này đối với việc: biên soạn giáo án, chuẩn bị bài giảng điện tử; sử dụng làm tư liệu giảng dạy trực tiếp trên lớp cho tiết học sinh động, thú vị và hiệu quả; chia sẻ hoặc tải về thiết bị cá nhân. Qua đó, việc nguồn tài nguyên sẽ hỗ trợ trong việc mang đến hình ảnh sinh động, trực quan, thu hút sự chú ý của HS, nâng cao chất lượng bài giảng.

– Đối với kho bài tập tương tác từ SGK, sách bổ trợ, *Hành trang số* cũng cung cấp bài tập tự kiểm tra, đánh giá tại tính năng “Luyện tập”. Với nguồn bài tập phong phú này, GV có thể triển khai nhiều hoạt động giảng dạy: mở trực tiếp bài tập trên nền tảng, hướng dẫn HS làm bài, tương tác, từ đó tổ chức các hoạt động nhóm, tạo không khí học tập trong lớp; giao bài tập về nhà để HS tự thực hành, ôn tập hoặc sử dụng để kiểm tra bài cũ trước khi bắt đầu tiết học; tham khảo các dạng bài tập để đưa vào bài kiểm tra, đánh giá trên lớp.

– Đối với hệ thống bài giảng điện tử dạng PowerPoint song hành là kịch bản dạy học được cung cấp tại tính năng “Thư viện”, các thầy cô có thể tải trực tiếp về thiết bị cá nhân để trình chiếu giảng dạy trên lớp hoặc tham khảo, tự chỉnh sửa, sáng tạo bổ sung thêm đảm bảo phù hợp với phương pháp giảng dạy của cá nhân. Bài giảng điện tử đã được *Hành trang số* xây dựng hình ảnh và nội dung bám sát SGK và SGK.

– Ngoài ra quý thầy cô cũng được khuyến nghị sử dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ trên nền tảng *Hành trang số* kết hợp cùng máy trình chiếu, trong đó bao gồm các công cụ như: luyện tập trực quan các bài tập đi kèm chấm điểm tự động; đọc sách điện tử; xem trực tiếp các học liệu bổ trợ được đính kèm trên trang sách điện tử,... Như vậy, quý thầy cô có thể truy cập SGK mọi lúc, mọi nơi với đa dạng các thiết bị: điện thoại, máy tính bàn, laptop, máy tính bảng; sử dụng trình chiếu trực tiếp trên lớp học; chủ động sử dụng nghiên cứu tại nhà, hỗ trợ cho quá trình biên soạn giáo án.

6 MỘT SỐ LƯU Ý LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2

Theo quy định của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, môn Tiếng Việt lớp 2 được học trong 350 tiết, phân bố trong 35 tuần, mỗi tuần trung bình có 10 tiết học. Nhà trường có thể linh hoạt sắp xếp thời gian học Tiếng Việt theo cách chia thời gian trung bình, mỗi tuần 10 tiết, hoặc điều chỉnh tăng giảm số tiết trong mỗi tuần tùy theo yêu cầu về tiến độ học của HS ở mỗi giai đoạn và những ảnh hưởng của các yếu tố khác miễn sao bảo đảm trong năm lớp 2, HS được học Tiếng Việt đủ 350 tiết.

Nếu mỗi tuần học 10 tiết (theo cách chia đều số tiết của năm học cho 35 tuần) thì mỗi ngày (từ thứ Hai đến thứ Sáu) nên học đều 2 tiết: 4 tiết đầu (thứ Hai và thứ Ba) cho bài thứ nhất và 6 tiết sau (từ thứ Tư đến thứ Sáu) cho bài thứ hai. Tuy vậy, đây không phải là quy định cứng nhắc mà tùy vào tình hình thực tế, GV có thể thay đổi phân bố thời gian cho phù hợp.

Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 chú trọng dạy học phát triển năng lực HS. Việc dạy học theo Chương trình và SGK mới đòi hỏi phải đáp ứng khả năng học tập khác nhau của từng HS. Vì vậy, khi tổ chức dạy học theo SGK, chắc chắn GV phải có những điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm HS ở các vùng miền, giữa các nhà trường, thậm chí sự khác nhau giữa các lớp và giữa các nhóm HS trong một lớp. Nhà trường, cùng với tổ bộ môn có thể xây dựng kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt của khối lớp ở mỗi nhà trường theo các mục như dưới đây:

TUẦN (1)	Tên bài học (2)	Thời lượng dạy học (3)	Yêu cầu cần đạt (4)	Nội dung dạy học (kiến thức/ kĩ năng) (5)	Phương pháp dạy học (6)	Đánh giá Kết quả học tập (7)	Thiết bị dạy học (8)	Ghi chú (mô tả những điều chỉnh trong 8 cột bên so với Chương trình quốc gia nếu có, chủ yếu ở cột (5) Nội dung dạy học)
-------------	--------------------------	------------------------------------	---------------------------------	---	----------------------------------	--	----------------------------------	--

Có thể thiết kế theo từng tuần học (cột 1) để tiện kiểm soát kế hoạch thực hiện chương trình. Cụ thể:

- Cột 1: Ghi rõ từng tuần học
- Cột 2: Ghi rõ từng bài học (theo SGK mới, mỗi tuần sẽ thiết kế thành các bài học), mỗi tuần có mấy bài học, ghi rõ từng tên bài học trong tuần.
- Cột 3: Ghi rõ thời lượng dạy học của từng bài.
- Cột 4: Ghi rõ yêu cầu cần đạt (Lưu ý: Yêu cầu cần đạt nêu trong văn bản chương trình môn học là yêu cầu tối thiểu ở thời điểm cuối năm học. Khi xác định yêu cầu cần đạt, cần xác định mức độ yêu cầu cần đạt ở từng giai đoạn cho phù hợp và nên có mục đích yêu cầu với các nhóm HS có năng lực khác nhau).
- Cột 5: Nêu khái quát nội dung dạy học của môn học (VD: Đọc / Viết / Nghe – Nói / Kiến thức về từ và câu....)
- Cột 6: Gợi ý PPDH phù hợp với bài học, với đặc điểm HS và điều kiện dạy học của trường/ lớp.
- Cột 7: Dự kiến nội dung trọng tâm cần đánh giá kết quả học tập của HS (đánh giá thường xuyên/ định kì).
- Cột 8: Gợi ý sử dụng thiết bị dạy học phù hợp với bài học.
- Cột 9: Mô tả những điều chỉnh trong 8 cột nêu trên so với Chương trình quốc gia (nếu có), chủ yếu ở cột (5) Nội dung dạy học.

Việc lập kế hoạch dạy học của nhà trường và xây dựng kế hoạch dạy học đã trở thành nhiệm vụ tất yếu ở các trường phổ thông hiện nay. Nhiều nhà trường có những định hướng khác nhau về phát triển chương trình nhà trường trong khuôn khổ quyền tự chủ được trao.

Tiếng Việt 2 có 2 dạng bài cơ bản: bài 4 tiết và bài 6 tiết. Để triển khai dạy học từng bài, GV cần tìm hiểu kỹ mục tiêu bài học, nắm vững những kiến thức cần thiết cho bài học và chuẩn bị phương tiện dạy học như SGK yêu cầu. Ngoài ra, GV có thể chuẩn bị thêm những phương tiện dạy học khác cho những “kịch bản” mà các thầy cô sáng tạo thêm. Trước khi bắt đầu bài học mới, GV cho HS ôn lại bài cũ, chủ yếu theo hình thức HS nhắc lại tên bài học cũ và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.

1 TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ NỘI DUNG CHUNG

Ở cả hai dạng bài, việc tổ chức hoạt động dạy học có một số điểm giống nhau:

1. Khởi động

GV có thể sử dụng nhiều hình thức đa dạng để hoạt động khởi động sát với nội dung VB đọc và khơi gợi được hứng thú của HS, đáp ứng được mục tiêu giúp HS huy động hiểu biết, trải nghiệm, cảm xúc để chuẩn bị tiếp nhận nội dung VB đọc. Có những hình thức khởi động phổ biến có thể áp dụng như: cho HS quan sát tranh, nghe một bài hát hoặc xem một video clip có nội dung liên quan đến chủ đề của VB, sau đó HS trả lời câu hỏi hoặc chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc về những gì được quan sát, được nghe, được xem. GV cũng có thể nêu một vấn đề vừa có liên quan đến nội dung của VB vừa gần gũi với hiểu biết, trải nghiệm của HS để các em suy nghĩ, trao đổi, thảo luận và trình bày trong nhóm và trước lớp.

2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp

+ GV giới thiệu, gợi mở về nội dung bài đọc. Cần lưu ý là chỉ đưa ra một vài chi tiết ban đầu, khơi gợi hứng thú của HS, chứ không tóm tắt nội dung VB. Cần đặt những câu hỏi hướng dẫn HS suy nghĩ, dự đoán, tạo cơ hội cho HS phát triển năng lực tư duy và cảm thấy bài học thú vị.

+ GV đọc mẫu toàn bài đọc. Chú ý đọc đúng ngữ điệu, chẳng hạn với VB truyện thì đọc phân biệt rõ lời người kể chuyện và lời nhân vật; ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.

- + GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đọc đối với các em.
- + GV hướng dẫn HS luyện đọc những câu dài.
- + GV chia VB thành các đoạn.
- HS luyện đọc theo nhóm:
- + HS đọc nối tiếp từng đoạn theo nhóm cho đến hết bài.
- + GV giúp đỡ những HS gặp khó khăn khi đọc bài, khen ngợi những HS đọc tiến bộ.
- + GV mời 1 – 2 HS đọc lời giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong VB.
- GV mời 1 HS đọc lại toàn bộ VB.

3. Trả lời câu hỏi

Để trả lời các câu hỏi, GV tổ chức cho HS làm việc theo nhiều hình thức: làm việc cá nhân, làm việc nhóm, làm việc chung cả lớp.

- HS làm việc cá nhân và nhóm:
- + Từng em tự trả lời câu hỏi, sau đó trao đổi nhóm thống nhất đáp án.
- + GV mời 2 – 3 HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi. GV và cả lớp nhận xét. Với những câu hỏi mở, GV nên khuyến khích HS trình bày theo quan điểm riêng.
- Hình thức làm việc chung cả lớp:
- + Một HS đọc to câu hỏi, cả lớp đọc thầm. (GV có thể nhắc HS đọc lại đoạn văn có liên quan và tìm câu trả lời.)
- + GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. GV và cả lớp nhận xét, chốt đáp án.

Lưu ý:

- Sau khi chốt câu trả lời, tùy theo đối tượng HS, GV có thể mở rộng câu hỏi liên hệ thực tế. Chẳng hạn: "Trong câu chuyện *Tớ nhớ cậu*, kiến và sóc viết thư cho nhau để thể hiện tình bạn thân thiết. Còn các em, em thường làm gì để thể hiện tình bạn thân thiết của mình?"
- Trong khi HS làm việc nhóm, GV cần theo dõi các nhóm, hỗ trợ những HS gặp khó khăn trong nhóm.

4. Luyện tập sau bài đọc

- Đây là hoạt động tiếp nối *Trả lời câu hỏi*, giúp HS được luyện tập từ, luyện câu và phát triển kỹ năng sử dụng nghi thức lời nói. Hình thức dạy học chủ yếu được áp dụng

ở hoạt động luyện tập này là HS thảo luận nhóm và thực hành đóng vai (nếu nội dung luyện tập là thực hành nghi thức lời nói) hoặc trình bày kết quả làm bài tập trong nhóm hoặc trước lớp (nếu nội dung luyện tập là luyện từ và câu).

– Sau phần *Luyện tập*, GV nên cho một HS đọc lại toàn VB, cả lớp đọc thầm theo.

2 TỔ CHỨC DẠY HỌC NHỮNG NỘI DUNG RIÊNG CỦA TỪNG DẠNG BÀI

Ngoài những nội dung chung trên đây (2 tiết), mỗi bài 4 tiết hoặc 6 tiết có những nội dung riêng.

BÀI 4 TIẾT

Tiết 3

VIẾT

1. Viết chữ hoa

- GV giới thiệu mẫu chữ và hướng dẫn HS:
 - + Quan sát mẫu chữ: độ cao, độ rộng, các nét và quy trình viết chữ hoa.
 - + Quan sát GV viết mẫu trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết từng chữ hoa trên màn hình, nếu có).
- HS tập viết chữ hoa (trên bảng con hoặc vở ô li, giấy nháp) theo hướng dẫn.
- GV hướng dẫn HS tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.
- HS viết chữ hoa vào vở *Tập viết 2*.
- HS góp ý cho nhau theo nhóm đôi.

2. Viết ứng dụng

- GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng trong SHS.
- HS quan sát GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp (hoặc cho HS quan sát cách viết mẫu trên màn hình, nếu có).
- GV hướng dẫn viết chữ hoa đầu câu, cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường, khoảng cách giữa các tiếng trong câu, vị trí đặt dấu chấm cuối câu.
- HS viết vào vở *Tập viết 2*.
- HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo nhóm.
- GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.

Tiết 4

NÓI VÀ NGHE

1. Kể chuyện

– Ở tiết kể chuyện có hai hoạt động: kể lại câu chuyện đã đọc (từ VB đọc) và kể lại câu chuyện đã nghe.

Với hoạt động kể lại câu chuyện đã đọc (từ VB đọc), HS quan sát tranh và lời gợi ý dưới tranh và nói về nhân vật, sự việc được thể hiện trong tranh. Nội dung nói được gợi lên từ tranh và cả từ nội dung VB mà HS đã đọc. Với hoạt động kể lại câu chuyện đã nghe, HS nghe kể câu chuyện và kể lại câu chuyện đã nghe.

Tuỳ vào yêu cầu ở từng giai đoạn học tập trong năm học mà HS kể lại câu chuyện đã đọc hoặc nghe theo những mức độ khác nhau. Ở học kì I, HS được yêu cầu kể lại 1 – 2 đoạn của câu chuyện đó. Ở học kì II, kể lại từng đoạn và toàn bộ câu chuyện. GV có thể tổ chức hoạt động kể chuyện theo nhiều hình thức sáng tạo, phù hợp với từng giai đoạn học tập và tạo hứng thú cho HS.

– Trình tự thông thường là GV cho HS quan sát tranh và nói về nhân vật, sự việc được thể hiện trong tranh (đối với hoạt động kể lại câu chuyện đã đọc) hoặc GV kể chuyện (đối với hoạt động kể lại câu chuyện đã nghe). Sau đó, HS kể lại 1 – 2 đoạn của câu chuyện hoặc kể lại từng đoạn và toàn bộ câu chuyện.

– Ở một số tiết kể chuyện, HS được yêu cầu dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý để đoán nội dung tranh. GV cần phát huy hiệu quả của những hoạt động này trong việc kích thích trí tò mò, khả năng suy đoán của HS.

– GV cần tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung của câu chuyện. GV cũng có thể cho HS đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện và tổ chức cho HS thi kể chuyện. Từ lớp 1, tiết kể chuyện đã có những gợi ý này. Điểm khác biệt là trong khi ở lớp 1, những hoạt động như kể lại toàn bộ câu chuyện hay thi kể chuyện chỉ dành cho một số đối tượng HS thì ở lớp 2, hoạt động này có thể tổ chức cho nhiều đối tượng HS hơn.

2. Nói theo chủ điểm

– *Tiếng Việt 2* lựa chọn những vấn đề gần gũi với HS để các em nói, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của mình về những vấn đề đó. Sách cũng thường thiết kế các tranh ảnh để gợi ý cho HS nói.

- GV cho HS thảo luận theo nhóm (có thể theo gợi ý của tranh), mỗi HS nói suy nghĩ, cảm xúc của mình. Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
- Các HS khác nghe và nhận xét. GV tổng hợp các kết quả.

3. Vận dụng

Đây là hoạt động tiếp nối sau tiết Nói và nghe (kể chuyện hoặc nói theo chủ điểm), do HS thực hiện ngoài lớp học. GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động, thường là kể cho người thân về câu chuyện hay nhân vật trong câu chuyện mà HS được nghe và đã kể lại ở lớp hoặc chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của HS về chủ điểm mà các em đã nói. Tùy theo từng tính chất và nội dung của mỗi hoạt động mà GV có những gợi ý phù hợp.

BÀI 6 TIẾT

Tiết 3

VIẾT

1. Nghe – viết

- GV nêu yêu cầu nghe – viết.
- GV đọc cho HS nghe 1 lần đoạn văn sẽ viết chính tả.
- GV mời 1 – 2HS đọc lại đoạn văn trước lớp.
- GV hướng dẫn HS:
 - + Quan sát những dấu câu có trong đoạn văn sẽ viết (có thể cho HS nhìn trong SGK hoặc GV chiếu đoạn văn trên màn hình), giúp các em biết nêu tên các dấu câu: dấu phẩy (2 lần xuất hiện), dấu chấm (5 lần xuất hiện),...
 - + Viết hoa tên bài, viết hoa chữ đầu câu, viết hoa các chữ sau dấu chấm.
 - + Viết những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai lẫn do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.
- GV đọc tên bài, đọc từng cụm từ hoặc câu ngắn cho HS viết vào vở.
- GV đọc lại đoạn văn cho HS soát lại bài viết. Sau đó, HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo nhóm.
- GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.

2. Hoàn thành bài tập chính tả

- Thông thường ở phần này có 2 bài tập chính tả: một bài tập chính tả chung, thường liên quan đến các lỗi chính tả do đặc điểm của chữ Quốc ngữ, HS các vùng miền đều có khả năng mắc lỗi; một bài tập chính tả lựa chọn (chọn bài tập a hoặc b), có liên quan đến đặc điểm ngữ âm của các phương ngữ, tùy vào vùng miền mà GV lựa chọn cho phù hợp. Tuy vậy, nếu có thời gian thì GV vẫn có thể cho HS làm tất cả các bài tập chính tả, không nhất thiết phải lựa chọn.
- Để triển khai dạy học phần này, GV có thể tổ chức nhiều hoạt động đa dạng, chẳng hạn, GV cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm, sau đó cá nhân hoặc đại diện nhóm trình bày kết quả làm bài tập trước lớp. GV có thể tổ chức hoạt động học tập này dưới hình thức chơi trò chơi.
- Để giới thiệu nội dung bài tập, GV có thể trình chiếu bài tập, 1 HS đọc yêu cầu. Sau khi HS hoàn thành bài tập, GV cho cả lớp nhận xét. GV chữa bài tập và chốt đáp án đúng.

Tiết 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

- Như đề mục cho thấy, phần này HS được luyện tập để phát triển vốn từ và phát triển kỹ năng đặt câu. Thông thường là: (1) tìm từ ngữ có ý nghĩa khái quát như sự vật, hoạt động, đặc điểm; hoặc tìm từ ngữ thuộc một trường nghĩa nào đó, chẳng hạn chỉ tình cảm bạn bè, chỉ tình cảm gia đình, chỉ hoạt động của người trong tranh, chỉ hoạt động của HS ở trường; (2) tìm câu, đặt câu giới thiệu, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm; đặt câu với từ ngữ tìm được, đặt câu nói về hoạt động, đặc điểm của sự vật trong tranh; đặt câu nói về đặc điểm của một loài cây, loài vật; tìm dấu câu phù hợp cho ô vuông trong đoạn văn;...
- GV có thể tổ chức nhiều hình thức đa dạng như ở bài tập chính tả. Ngoài những hình thức được gợi ý trong SGK, GV có thể sáng tạo thêm nhiều hình thức tổ chức dạy học khác để tạo hứng thú cho HS và nâng cao hiệu quả của bài tập.

Tiết 5 & 6

LUYỆN VIẾT ĐOẠN

- Phần luyện tập này dành để HS luyện kỹ năng viết đoạn. Trước khi viết thường có hoạt động nói để HS huy động hiểu biết, trải nghiệm và hình thành ý tưởng cho bài viết.

GV có thể tổ chức hoạt động nói bằng cách yêu cầu HS quan sát tranh, làm việc nhóm, thảo luận về những gì các em thấy trong tranh. GV chiếu từng tranh lên bảng, yêu cầu HS quan sát tranh thảo luận nhóm theo các câu hỏi gợi ý. Một số HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp. GV và HS chốt lại kết quả.

– Trên cơ sở kết quả nói, GV hướng dẫn HS viết đoạn theo yêu cầu của đề bài. Có thể tham khảo các bước sau:

+ HS làm việc chung cả lớp: 1 HS đọc yêu cầu của bài, cả lớp đọc thầm; GV mời 2 – 3 HS hỏi đáp cùng GV theo từng câu hỏi gợi ý.

+ HS hoạt động nhóm, cùng nói về nội dung chuẩn bị viết.

+ HS làm việc cá nhân: Từng HS viết đoạn văn vào vở. Viết xong, đổi bài cho bạn cùng soát và sửa lỗi diễn đạt.

+ HS làm việc chung cả lớp: Một số HS đọc bài trước lớp. HS nghe nhận xét của thầy cô và các bạn.

– GV thu bài làm của HS để chấm, đánh giá kết quả.

ĐỌC MỞ RỘNG

– Để chuẩn bị cho tiết Đọc mở rộng tại lớp, GV lưu ý giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc các VB theo gợi ý trong SHS. HS có thể đọc những VB này ngoài giờ lên lớp.

HS có thể chọn sách đọc từ tủ sách của lớp, mượn của thư viện trường hoặc tìm kiếm ở hiệu sách và từ các nguồn khác. GV cần khuyến khích HS xây dựng tủ sách của lớp ngay từ đầu năm học, hướng dẫn cho HS cách tìm sách ở thư viện của trường và hiệu sách. Để chuẩn bị tốt cho tiết học Đọc mở rộng, GV cũng cần hướng dẫn cho HS sử dụng các phiếu đọc sách để ghi lại kết quả đọc sách và tiện cho việc trao đổi kết quả đọc.

GV cần chuẩn bị một số VB tương tự VB HS cần tìm đọc để có thể giới thiệu thêm cho HS hoặc hỗ trợ cho những em có khó khăn trong việc tìm VB. Như đã nêu, qua hoạt động Đọc mở rộng, *Tiếng Việt 2* hi vọng giúp HS hình thành và phát triển thói quen, hứng thú, kĩ năng tự tìm kiếm sách để đọc. Vì vậy, nếu HS không có điều kiện tìm được đúng VB mà *Tiếng Việt 2* yêu cầu thì GV có thể linh hoạt, nhất cho HS được đọc những VB mà các em có thể có.

– Mở đầu tiết học, GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân và làm việc nhóm, trao đổi về VB đọc theo những gợi ý trong SHS. Trong khi đọc, HS nên viết vào giấy rời hoặc vào vở những điều đáng chú ý (quan trọng, thú vị) mà các em đọc được để nhớ nội dung cần trao đổi.

Một số HS đại diện cho các nhóm chia sẻ trước lớp những ý kiến nổi bật đã trao đổi trong nhóm. Các HS khác nhận xét, đánh giá.

– GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS đã thể hiện tốt kết quả tự đọc sách thông qua trao đổi trong nhóm hoặc trước lớp. GV khuyến khích HS trao đổi sách cho nhau để mở rộng nguồn tài liệu đọc.

*

* *

Kết thúc bài 4 tiết (cuối tiết 4) và 6 tiết (cuối tiết 6) đều có phần *Củng cố*.

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.

– HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

– Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.

1. Hướng dẫn sử dụng SGK Tiếng Việt 2

Ngoài phần Hướng dẫn chung, SGK Tiếng Việt 2 có những hướng dẫn cụ thể để GV tổ chức dạy học các bài học trong SHS. Tương ứng với mỗi bài học trong SHS có một bài hướng dẫn dạy học trong SGK. Mỗi bài hướng dẫn dạy học đều có cấu trúc gồm các phần: **Mục tiêu (bài học)**, **Chuẩn bị (bài học)**, **Tổ chức hoạt động dạy học**.

– **Mục tiêu (bài học)** được biên soạn bám sát với các cấu phần của bài học trong SHS. Nói cách khác, mục tiêu của mỗi bài học được trình bày như tổng cộng mục tiêu của từng cấu phần trong bài. Cách thiết kế mục tiêu này giúp GV hình dung rõ và cụ thể mục tiêu của mỗi hoạt động trong bài. Do các bài học trong SHS được thiết kế dựa trên các mạch chính là Đọc, Viết, Nói và nghe, nên mục tiêu bài học trong SGK cũng thể hiện mục tiêu của từng hoạt động như vậy.

– **Chuẩn bị bài học** gồm hai nội dung: (1) Kiến thức mà GV cần nắm để dạy học, chủ yếu là kiến thức về đặc điểm thể loại, loại VB của VB đọc, nội dung của VB, nghĩa của các từ ngữ khó trong VB và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này; (2) Phương tiện dạy học: Bên cạnh những phương tiện chung cho các bài (gồm các phương tiện cần phải có như SHS, SGK và các phương tiện có thể có như máy tính và màn hình trình chiếu), mỗi bài học có những yêu cầu riêng về phương tiện dạy học. Ngoài ra, dựa vào “kịch bản” được xây dựng theo cách sáng tạo, GV có thể chuẩn bị thêm những phương tiện dạy học khác.

– **Tổ chức các hoạt động dạy học** bám sát các hoạt động đã được thiết kế trong SHS. SGK chỉ đưa ra những kịch bản gợi ý. Trong thực tế dạy học, GV có thể vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo. Ngoài khả năng điều chỉnh, thêm bớt câu hỏi, bài tập, GV có thể thay đổi trình tự các bước tổ chức hoạt động dạy học và tăng giảm thời lượng cho từng hoạt động, miễn là giúp cho hoạt động dạy học đạt được kết quả, HS có hứng thú với việc học và phát triển phẩm chất, năng lực một cách hiệu quả.

2. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, sách tham khảo

Môn Tiếng Việt lớp 2 có ba loại tài liệu: SHS, SGK và các sách/vở bổ trợ, tham khảo, tạo thành một bộ tài liệu dạy học có sự kết nối chặt chẽ với nhau.

Ngoài SHS và SGV như đã giới thiệu ở trên, môn Tiếng Việt lớp 2 còn có các sách/vở bổ trợ như: *Tập viết 2, tập một* và *Tập viết 2, tập hai*; Vở bài tập *Tiếng Việt 2, tập một* và Vở bài tập *Tiếng Việt 2, tập hai*. Các tài liệu này tuy không phải tài liệu bắt buộc, nhưng khi tổ chức dạy học, GV nên khuyến khích HS sử dụng vì, đối với HS:

- Vở *Tập viết 2* giúp các em dễ dàng quan sát các mẫu chữ hoa, cách viết các câu ứng dụng (thể hiện cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường). Nội dung *Tập viết 2* được biên soạn và thiết kế bám sát các yêu cầu trong SHS *Tiếng Việt 2*, đáp ứng được nhu cầu rèn luyện chữ viết cho HS.

- Về *Vở bài tập Tiếng Việt 2*, nhằm giúp HS có thể dùng được nhiều lần SHS (giữ lại dành tặng cho các em năm học sau), GV hướng dẫn HS thực hiện các bài tập trong vở bài tập (hoặc ghi chép những điều cần thiết vào vở ghi riêng của HS), không nên viết vào SHS. Nội dung *Vở bài tập Tiếng Việt 2* bám sát các hoạt động ở từng bài học trong SHS song được thiết kế, trình bày thành các dạng bài tập ngắn và đa dạng, HS có thể hoàn thành nhanh và cảm thấy hứng thú khi thực hiện những bài tập có hình thức trình bày mới mẻ hơn so với SHS.

Các sách/vở bổ trợ cho HS nói chung đều được biên soạn theo hướng bám sát hệ thống các chủ điểm và nội dung bài học ở SHS, nhằm tăng vốn hiểu biết và phát triển kĩ năng sử dụng ngôn ngữ cho HS, chủ yếu là kĩ năng đọc và viết, đáp ứng mục tiêu bộ sách đã đặt ra và phù hợp với tất cả các vùng miền. Mặt khác, nhằm đáp ứng năng lực học tập khác nhau của HS, các sách/vở bổ trợ nói trên cũng đã cố gắng thiết kế các loại, dạng bài tập đáp ứng được nhu cầu phân hoá của HS.

Đối với GV, ngoài SGV quý Thầy Cô có thể tham khảo thêm các tư liệu: hỏi - đáp về dạy học *Tiếng Việt 2*, các video tiết học minh hoạ cho từng hoạt động trong SHS, cũng như các tư liệu bổ trợ khác trong suốt quá trình dạy học.

Kính chúc quý Thầy Cô có nhiều niềm vui và thành công khi dạy học *Tiếng Việt 2*, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: PHẠM KIM CHUNG

Thiết kế sách: TRẦN THUY DUNG

Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG

Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG

Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

– Sách điện tử: nxbgd.vn/sachdientu

– Tập huấn online: nxbgd.vn/taphuan

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN
TIẾNG VIỆT LỚP 2**

BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Mã số:

In bản (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

Đơn vị in Địa chỉ:

Cơ sở in Địa chỉ:

Số ĐKXB: ... /CXBIPH/...-.../GD

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-...-....